

BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG - VĨNH BẢO

Khu phố Tân Hoà, TT. Vĩnh Bảo, H. Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng

BẢNG Giá Nội Viện (giá hiện hành)

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá bán	Ghi chú
ACAT	ACETAZOLAMID (250MG) Acetazolamid (250mg)	Viên	888,00	Dịch vụ
ACAT5	Acid amin 5% (24) Acid amin (Acid amin tự do 5% - 200ml)	Chai	53.000,00	Có BHYT
ACCT7	ACC 200 (25) Acetylcystein (200mg)	Gói	1.630,00	Có BHYT
ACET15	ACECYST (24) N-acetylcystein (200mg)	Viên	205,00	Có BHYT
ACHT4	Acantan HTZ 8-12.5 (23) Candesartan+hydrochlorothiazid (8mg+12,5mg)	Viên	2.877,00	Có BHYT
ACST3	Acyclovir Stella 800mg (24) Aciclovir (800mg)	Viên	4.000,00	Có BHYT
ACTT16	Actrapid (23) Insulin người (1 UI)	UI	60,00	Có BHYT
ACTT18	Acido Tranexamico Bioindustria L.I.M (24) Tranexamic acid (10% x 5ml)	Ống	20.496,00	Có BHYT
ACTT19	Actrapid (24) Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	IU	60,00	Có BHYT
ACUT1	Acupan Nefopam hydroclorid (20mg)	Ống	35.310,00	Dịch vụ
ADLT2	ADALAT LA 30 Nifedipin (30mg)	Viên	10.115,00	Dịch vụ
ADRT9	Adrenalin (24) Adrenalin (1mg/1ml)	Ống	1.180,00	Có BHYT
AEST1	Aerius siro Desloratadin (0,5mg/ml)	Chai	84.423,00	Dịch vụ
AGIT12	Agicetam 800 (24) Piracetam (800mg)	Viên	420,00	Có BHYT
AGIT13	Agimdogyl (24) Metronidazol+Spiramycin (750000IU +	Viên	1.020,00	Có BHYT
AGIT14	Agi-Bromhexine 16 (24) Bromhexin hydroclorid (16mg)	Viên	609,00	Có BHYT
AGIT15	Aghistine 24 (24) Betahistin (24mg)	Viên	2.898,00	Có BHYT
AGIT3	Agilosart - H 100/12,5 (23) Hydrochlorothiazid+losartan (100 mg + 12,5 mg)	Viên	1.974,00	Có BHYT
AGIT6	Aghistine 24 (23) Betahistin (24mg)	Viên	2.898,00	Có BHYT
AGIT8	AGITRITINE 100 (24) Trimebutin maleat (100mg)	Viên	295,00	Có BHYT
AGIT9	Agiclari 500 (24) Clarithromycin (500mg)	Viên	1.930,00	Có BHYT
ALBH1	Albumin (4*29ml) BMC/Ailen 6102 ()	Hộp	2.448.180,00	Dịch vụ
ALBT17	Albutein 25% Albumin (12.5g/50ml)	Chai	945.000,00	Dịch vụ
ALBT22	Albutein (23) Albumin (25% x 50ml)	Chai	850.000,00	Có BHYT
ALCT2	ALPHA CHOAY Alpha chymotrypsin (21 microkatal)	Viên	2.383,00	Dịch vụ
ALCT3	ALCAINE 0,5% LỌ 15ML Proparacain hydroclorid (0,5% lọ	Lọ	44.242,00	Dịch vụ
ALGT5	Algesin-N (24) Ketorolac (30mg/1ml)	Ống	35.000,00	Có BHYT
ALGT6	Algesin-N (24s) Ketorolac (30mg/1ml)	Ống	35.000,00	Có BHYT
ALST4	Alsiful S.R. Tablets 10mg (24) Alfuzosin (10mg)	viên	6.300,00	Có BHYT
AMAT13	Ama-Power (24) Ampicilin+sulbactam (1000mg + 500mg)	Lọ	61.720,00	Có BHYT
AMAT7	AMIPAREN-5 Acid amin (5% - 200ml)	Túi	56.710,00	Dịch vụ
AMAT8	AMITRIPTYLIN(HYDROCLORID) AMITRIPTYLIN (25MG) Amitriptylin (25mg)	Viên	247,00	Dịch vụ
AMBT6	Ambuxol (24) Ambroxol (30mg/ 5ml; 75ml)	Lọ	37.500,00	Có BHYT
AMET3	Amebismo (23) Bismuth (262mg)	Viên	3.780,00	Có BHYT
AMET4	Amebismo (25) Bismuth (262mg)	Viên	3.600,00	Có BHYT
AMGT1	Amiodarona GP (24) Amiodaron hydroclorid (200mg)	Viên	6.650,00	Có BHYT
AMHT3	Ambroxol HCl Tablets 30mg (24) Ambroxol (30mg)	viên	1.050,00	Có BHYT
AMIT28	Aminoleban (24) Acid amin (Acid amin tự do 7,99%, 200ml)	Túi	104.000,00	Có BHYT
AMIT29	Aminoleban (DV) Acid amin (Acid amin tự do 7,99%, 200ml)	Túi	109.200,00	Dịch vụ
AMKT	AMIKACIN KABI (500mg/100ml) (DV) Amikacin	Chai	39.954,00	Dịch vụ
AMLT10	Amlor (24) Amlodipin (5mg)	Viên	7.593,00	Có BHYT
AMLT11	Amlessa 8mg/5mg Tablets (24) Amlodipin+perindopril (8mg +	Viên	6.825,00	Có BHYT

AMLT7	Amlessa 8mg/5mg Tablets (23) Amlodipin+perindopril (8mg +	Viên	7.750,00	Có BHYT
AMPV	Amplaz 18Fr ()	Chiếc	1.197.900,00	Dịch vụ
AMST	Amlodipine Stella 5 mg (23) Amlodipin (5mg)	Viên	378,00	Có BHYT
ANAT1	Anaropin Ropivacain hydroclorid (5mg/ml (0.5%)-10ml)	Ống	121.338,00	Dịch vụ
ANAV	anson antimicrobial silver gel 20g(gel bạc kháng khuẩn anson	Tube	162.000,00	Dịch vụ
ANBT1	Anbaescin Aescin (50mg)	Viên	8.132,00	Dịch vụ
ANNV	Anson nano silver burn dressing 10cm*15cm mã AB002 ()	Miếng	162.000,00	Dịch vụ
ANTT10	An thần bổ tâm-F (23) Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn đông, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh. (400mg + 133,3mg + 133,3mg + 133,3mg + 133,3mg + 66,7mg + 66,7mg + 66,7mg + 53,3mg + 53,3mg + 46,7mg + 46,7mg + 26,7mg + 80mg + 80mg + 40mg + 20mg + 20mg)	Viên	777,00	Có BHYT
AOPV4	Áo phẫu thuật size L ()	Cái	62.400,00	Dịch vụ
AOVV1	Áo vùng lưng H1 ()	Cái	428.400,00	Dịch vụ
ARCT8	Arcoxia 90mg (23) Etoricoxib (90mg)	Viên	15.645,00	Có BHYT
ASPT9	Aspirin-100 (24) Acetylsalicylic acid (100mg)	Viên	450,00	Có BHYT
ATIT17	Atibutrex 250mg/5ml (24) Dobutamin (250mg)	Ống	54.999,00	Có BHYT
ATIT18	Atisalbu (24) Salbutamol (2mg/5ml)	Ống	3.800,00	Có BHYT
ATST15	Atropin Sulphat (24) Atropin sulfat (0,25mg/ml)	Ống	430,00	Có BHYT
ATST8	ATROPIN SULFAT ATROPIN SULFAT (0,25MG/1ML) Atropin (0,25mg/1ml)	Ống	495,00	Dịch vụ
AUCT	Auclanityl 875/125mg (24) Acid clavulanic+Amoxicilin (875mg + 125mg)	Viên	4.100,00	Có BHYT
AUGT21	Augmentin 500mg/62,5mg (24) Acid clavulanic+Amoxicilin (500mg + 62,5mg)	Gói	16.014,00	Có BHYT
AUGT22	Augmentin 250mg/31,25mg (24) Acid clavulanic+Amoxicilin (250mg + 31,25mg)	Gói	10.670,00	Có BHYT
AUGT23	Augmentin 1g (24) Acid clavulanic+Amoxicilin (875mg +	Viên	16.680,00	Có BHYT
AUGT24	Augmentin 500mg/62,5mg (25) Acid clavulanic+Amoxicilin (500mg + 62,5mg)	Gói	16.014,00	Có BHYT
AUTT7	Autifan 20 (23) Fluvastatin (20mg)	Viên	4.200,00	Có BHYT
AUTT8	Autifan 20 (24) Fluvastatin (20mg)	viên	4.350,00	Có BHYT
AVOT4	Avodart (23) Dutasterid (0,5mg)	Viên	17.257,00	Có BHYT
AXIT1	Axitan 40mg (24) Pantoprazol (40mg)	Viên	970,00	Có BHYT
AXIT3	Axitan 40mg (25) Pantoprazol (40mg)	Viên	898,00	Có BHYT
AZAT3	Azarga (24) Brinzolamid+timolol (10mg/ml + 5mg/ml)	Lọ	310.800,00	Có BHYT
AZET1	AZENMAROL 1 (24) Acenocoumarol (1mg)	Viên	270,00	Có BHYT
BACT10	Bacom-BFS (24) Carbazochrom (25mg)	Ống	31.500,00	Có BHYT
BACT11	Bacom-BFS Carbazochrom (25mg)	Ống	33.705,00	Dịch vụ
BACV12	Băng che mắt chiếu vàng da ()	Cái	54.000,00	Dịch vụ
BADV21	Bao đo máu sản phụ ()	Cái	12.600,00	Dịch vụ
BADV24	Băng dính chỉ thị nhiệt hấp ướt 3M (1322- 24MM) ()	Cuộn	163.800,00	Dịch vụ
BAEV2	BĂNG ÉP SUỒN SỐ 8 ()	Cuộn	151.200,00	Dịch vụ
BAGV19	Băng ghim cắt khâu nối nội soi Endo GIA Articulating Reload công nghệ Tri-Staple các cỡ (24.3) ()	Cái	6.050.000,00	Có BHYT
BAGV20	Băng ghim cắt khâu nối thẳng mổ mở công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm (24.5) ()	Cái	2.200.000,00	Có BHYT
BAKT1	Ba kích chích rệu (24) Ba kích (0)	g	1.143,45	Có BHYT
BALT3	Bạch linh (24) Bạch linh (0)	g	273,00	Có BHYT

BAMT9	Bambuterol 20 A.T (24) Bambuterol (20mg)	Viên	1.005,00	Có BHYT
BARV2	Băng rôn chun sơ sinh ()	Cái	1.638,00	Dịch vụ
BAST10	Basmicin 400 (24) Ciprofloxacin (400 mg)	Lọ	50.400,00	Có BHYT
BAST9	Basethyrox (24) Propylthiouracil (100mg)	Viên	735,00	Có BHYT
BASV	BARIERBAC S ELECTROTATIC FILTER(3505879) /DAR Electrostatic Filter, Small (350/5879) Bàu lọc máy thở Barierbac-S Smaill () ()	Cái	73.200,00	Dịch vụ
BATT18	Bài thạch Danapha (23) Kim tiền thảo (90mg; 230mg; 100mg;	viên	700,00	Có BHYT
BATT19	Bài thạch Vinaplant (24) Kim tiền thảo (2,5g)	Viên	520,00	Có BHYT
BATT21	Bạch thược (24) Bạch thược (0)	g	500,00	Có BHYT
BEAH1	Betadin Antiseptic Solution Povidone iodine (10%-125ml) ()	chai	53.711,00	Dịch vụ
BENT10	BENITA (24) Budesonid (64mcg/0,05ml)	Lọ	90.000,00	Có BHYT
BERT9	Berodual Fenoterol+Ipratropium (10ml)	Lọ	138.938,00	Dịch vụ
BETT20	Betamethason (23) betamethason dipropionat (0,064% - 30g)	Tuýp	30.450,00	Có BHYT
BETT22	Betaserc 24mg (24) Betahistin (24mg)	Viên	5.962,00	Có BHYT
BEZT21	Betaloc Zok 50mg (23) Metoprolol (Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg))	Viên	5.490,00	Có BHYT
BEZT22	Betaloc ZOK 25mg (24) Metoprolol (23,75mg (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol))	Viên	4.389,00	Có BHYT
BEZT23	Betaloc Zok 50mg (24) Metoprolol (47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol))	Viên	5.490,00	Có BHYT
BFST12	BFS-Neostigmine 0.25 (24) Neostigmin metylsulfat (0,25 mg)	Ống	5.460,00	Có BHYT
BFST13	BFS-Hyoscin 40mg/2ml (24) Hyoscin butylbromid (40mg)	Lọ	14.700,00	Có BHYT
BFST17	BFS - Amiron (24) Amiodaron hydroclorid (150mg)	Lọ	24.000,00	Có BHYT
BFST18	BFS-Noradrenaline 10mg (24) Nor- adrenalin (10mg)	Lọ	145.000,00	Có BHYT
BFST4	BFS-Piracetam Piracetam (4000mg/10ml)	Ống	32.100,00	Dịch vụ
BIDV3	Bình dẫn lưu áp lực âm 125ml ()	Cái	211.680,00	Dịch vụ
BIDV5	Bình dẫn lưu vết thương kín số 10(200ml)(TQ) ()	Cái	120.000,00	Dịch vụ
BIDV6	Bình dẫn lưu vết thương kín số 14(400ml) TQ ()	Cái	132.000,00	Dịch vụ
BIFT	Bifucil (22) Levofloxacin (500mg)	Viên	1.092,00	Có BHYT
BIFT4	Bifopezon 2g (24) Cefoperazon (2g)	Lọ	59.000,00	Có BHYT
BIKT1	Bisolvon Kids Bromhexin hydroclorid (60ml)	Chai	37.209,00	Dịch vụ
BIOT26	Biosubtyl-II (24) Bacillus subtilis (10 ⁷ -10 ⁸ CFU/g)	Gói	1.596,00	Có BHYT
BIST19	Biocemet SC 500mg/62,5mg (24) Acid clavulanic+Amoxicilin (500mg + 62,5mg)	Gói	10.700,00	Có BHYT
BIXT3	Bixazol (23) Sulfamethoxazol+Trimethoprim (200mg +40mg)	Ống	5.000,00	Có BHYT
BIXT5	Bixebra 7.5 mg (24) Ivabradin (7,5mg)	Viên	9.996,00	Có BHYT
BOAV3	Bơm áp lực bóng dùng trong phẫu thuật cột sống (DV) ()	Cái	2.200.000,00	Dịch vụ
BOBV17	Bộ bơm xi măng loại không bóng (24.7) ()	Bộ	12.969.000,00	Có BHYT
BOCV16	Bơm cho ăn MPV 50 ml (24.3) ()	Cái	3.339,00	Có BHYT
BODT5	Bộ dụng cụ gạn tách tiểu cầu thể tích 250ml Amicus (21) ()	Bộ	2.142.000,00	Có BHYT
BODV21	Bộ dây thở 2 bể nước người lớn(Anh) ()	Cái	415.800,00	Dịch vụ
BODV35	Bộ dẫn lưu bàng quang qua da ()	Cái	1.032.000,00	Dịch vụ
BODV41	Bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng tiêu chuẩn (24) ()	Bộ	18.150.000,00	Có BHYT
BODV43	Bộ dây truyền dịch ECO sử dụng một lần kim thường (Luer slip hoặc luer lock) (24.5) ()	Bộ	3.600,00	Có BHYT
BODV44	Bộ dây bơm nước DYONICS 25 dùng trong phẫu thuật (24.2)	Cái	1.980.000,00	Có BHYT

BOGT9	Bổ gan P/H (24) Cao đặc Diệp hạ châu (tương đương 1,25g Diệp hạ châu); Cao đặc Bồ bồ (tương đương với 1g Bồ bồ); Cao đặc Chi tử (tương đương với 0,25g Chi tử). (125mg (1,25g)+ 100mg (1g)+ 25mg (0,25g).)	Viên	610,00	Có BHYT
BOGV7	Bộ gây tê ngoài màng cứng Perifix 421 complete ()	Bộ	352.800,00	Dịch vụ
BOHV1	Bộ hút đờm kín ()	Cái	466.200,00	Dịch vụ
BOKH1	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu Tropoclels 11ml ()	Bộ	2.300.000,00	Dịch vụ
BOKH2	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu Tropoclels 22ml ()	Bộ	3.780.000,00	Dịch vụ
BOKV102	Bộ kit miếng xấp phủ vết thương bằng hút chân không áp lực âm cỡ M ()	Bộ	2.880.000,00	Dịch vụ
BOKV107	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ TPS (24.7)	Bộ	63.800.000,00	Có BHYT
BOKV96	Bộ kim cánh bướm Tanaphar ()	Cái	1.100,00	Dịch vụ
BOLT	Bolabio (24) Saccharomyces boulardii (10 mũ 9 CFU)	Gói	3.570,00	Có BHYT
BOMV10	Bộ mặt nạ thở oxy (Dây + Mask) ()	Cái	16.200,00	Dịch vụ
BOMV12	Bộ mặt nạ thở oxy khí dung MPV/ Việt Nam (Dây + mask + bầu) (Mặt nạ xông khí dung mpv) ()	Cái	17.640,00	Dịch vụ
BOMV9	Bộ mở thông bàng quang trên xương mu ()	Cái	902.000,00	Dịch vụ
BONV10	Bóng nong thân đốt sống dùng trong phẫu thuật cột sống (DV)	Cái	6.050.000,00	Dịch vụ
BONV11	Bộ nong thận ()	Bộ	2.750.000,00	Dịch vụ
BONV7	Bóng nong thân đốt sống ()	Cái	7.700.000,00	Dịch vụ
BOTV41	Bơm tiêm MPV 5ml (DV) ()	Cái	882,00	Dịch vụ
BOTV57	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản (MBL -6) ()	Bộ	4.560.000,00	Dịch vụ
BOTV68	Bơm tiêm sử dụng 1 lần vinahankook -5ml/cc ()	Cái	954,00	Dịch vụ
BOTV86	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml (23.3) ()	Cái	857,00	Có BHYT
BOTV87	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 20ml (23.3) ()	Cái	1.489,00	Có BHYT
BOTV88	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 5ml (23.3) ()	Cái	567,00	Có BHYT
BOTV92	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 3ml ()	Cái	680,00	Dịch vụ
BOTV93	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml (23.3) ()	Cái	3.318,00	Có BHYT
BOTV94	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 1ml (23.3) ()	Cái	567,00	Có BHYT
BOTV95	Bộ trộn xi măng (24) ()	Bộ	330.000,00	Có BHYT
BOUT1	BOURABIA-8 (23) Thiocolchicosid (8mg)	Viên	6.000,00	Có BHYT
BRET6	Bredomax 300 (24) Fenofibrat (300mg)	Viên	3.300,00	Có BHYT
BROT7	Brometic Bromhexin hydroclorid (2mg/10ml)	Ống	4.389,00	Dịch vụ
BROT9	Brosuvon (24) Bromhexin hydroclorid (40mg)	Chai	22.995,00	Có BHYT
BUDV	Buồng đệm Wellmed DL-08 ()	Cái	216.000,00	Dịch vụ
BUFT1	Bufecol 100 Effe Sachets (24) Ibuprofen (100mg)	Gói	4.600,00	Có BHYT
BUFT2	Bufecol 200 Effe Tabs (24) Ibuprofen (200mg)	Viên	3.500,00	Có BHYT
BUHT	BUPIVACAINE Bupivacain hydroclorid (5mg/mlx20ml)	Lọ	52.912,00	Dịch vụ
CABV2	Ca bột ()	Cái	6.300,00	Dịch vụ
CACT1	CAICI CLORID Calci clorid (500mg/5ml)	Ống	1.124,00	Dịch vụ
CACT20	Calci clorid (24) Calci clorid (500mg/5ml)	Ống	1.050,00	Có BHYT
CADT2	Câu đẳng (24) Câu đẳng (0)	g	525,00	Có BHYT
CAFT1	Cafunten (23) Clotrimazol (1%-10g)	Tuýp	5.800,00	Có BHYT
CAHH	Canxi Hydroxit ()	Tube	333.900,00	Dịch vụ
CAKT5	Can khương sao vàng (24) Can khương (0)	g	142,80	Có BHYT
CAKT6	Câu kỷ tử (24) Câu kỷ tử (0)	g	384,93	Có BHYT
CALT6	Calcolife (24) Calci lactat (650mg)	Ống	6.779,00	Có BHYT
CAMT16	Camzitol (24) Acetylsalicylic acid (100mg)	Viên	2.900,00	Có BHYT
CAMT17	Cammic (24) Tranexamic acid (500mg)	Viên	1.500,00	Có BHYT
CAMV10	Canuyn mở khí quản có bóng các số ()	Cái	60.000,00	Dịch vụ
CAMV7	Canuyn mayor(canuyn ngáng lưỡi) ()	Cái	11.340,00	Dịch vụ
CAMV8	Canuyn mở khí quản ()	Cái	168.000,00	Dịch vụ

CANV2	Ống thông niệu quản (Catheter niệu quản) ()	Chiếc	320.100,00	Dịch vụ
CART10	Carbamol-BFS Methocarbamol (1000mg/10ml)	Ống	102.720,00	Dịch vụ
CART12	Carmotop 50 mg (23) Metoprolol (50mg)	Viên	2.240,00	Có BHYT
CART16	Carbamol-BFS (24) Methocarbamol (1000mg)	Ống	96.000,00	Có BHYT
CART18	Carmotop 25 mg (24) Metoprolol (25mg)	Viên	1.755,00	Có BHYT
CATT8	Cam thảo chích mật (24) Cam thảo (0)	g	408,45	Có BHYT
CATT9	Cầu tích (24) Cầu tích (0)	g	124,95	Có BHYT
CATV11	Catheter 2 nòng số 7F-20cm Cetofix duo V720 ()	Cái	982.800,00	Dịch vụ
CATV12	Catheter tĩnh mạch trung tâm có phủ chất kháng khuẩn CERTOFIX PROTECT TRIO V720 (Catheter 3 nòng số 7F-	Cái	831.040,00	Có BHYT
CATV13	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX DUO V 720 (Catheter 2 nòng số 7F-20cm) (24.8)	Cái	750.500,00	Có BHYT
CATV14	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX MONO S 420 (Catheter 1 nòng) (24.8) ()	Cái	483.000,00	Có BHYT
CEBT4	CEBEST (23) Cefpodoxim (100mg/3g)	Gói	7.900,00	Có BHYT
CEBT9	CEBEST (24) Cefpodoxim (100mg/3g)	Gói	7.900,00	Có BHYT
CEFT51	Cefotaxime 1000 (24) Cefotaxim (1g)	Lọ	7.140,00	Có BHYT
CEFT52	Ceftazidime 1000 (25) Ceftazidim (1000mg)	Lọ	14.763,00	Có BHYT
CEPT13	Cepoxitil 200 (23) Cefpodoxim (200mg)	Viên	9.800,00	Có BHYT
CEPT16	Cepoxitil 200 (24) Cefpodoxim (200mg)	Viên	9.960,00	Có BHYT
CERT10	Cerecaps (23) Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả (280mg, 685mg, 375mg, 280mg, 375mg, 375mg, 685mg,	Viên	2.142,00	Có BHYT
CERT14	Cerebrolysin (23) Cerebrolysin (215,2mg/ml x 10ml)	Ống	104.790,00	Có BHYT
CERT16	Ceraapix (24) Cefoperazon (1000mg)	Lọ	41.800,00	Có BHYT
CERT2	CEREBROLYSIN Cerebrolysin (10ml)	Ống	112.455,00	Dịch vụ
CERT9	Ceraapix (23) Cefoperazon (1g)	Lọ	41.800,00	Có BHYT
CEST3	Cefixime STADA 200 mg (24) Cefixim (200mg)	viên	6.100,00	Có BHYT
CETT11	Cetraxal (24) Ciprofloxacin (0,2%; 0,25ml)	Ống	8.600,00	Có BHYT
CETV2	CERTOFIX TRIO V720 (Catheter 3 nòng số 7f 20cm) ()	Cái	1.108.800,00	Dịch vụ
CEVH	Ceviton ()	Lọ	126.000,00	Dịch vụ
CEZT	Cezmeta (23) Diosmectit (3g)	gói	730,00	Có BHYT
CHDV10	Chỉ Daclon Nylon số 10/0 SMI A.G; Bỉ ()	Sợi	195.300,00	Dịch vụ
CHDV9	Chỉ dùng trong nội soi khớp (DV) ()	Tép	1.089.000,00	Dịch vụ
CHKV15	Chỏm khớp (24.3) ()	Bộ	20.900.000,00	Có BHYT
CHKV16	Chỉ khâu gân (DV) ()	Cái	1.628.000,00	Dịch vụ
CHKV17	Chỉ không tiêu ULTRABRAID (DV) ()	Cái	1.650.000,00	Dịch vụ
CHKV18	Chuôi khớp phủ TPS (24.7) ()	Cái	42.900.000,00	Có BHYT
CHOT6	Chorlatcyn (24) Cynara scolymus (Actiso)+Than hoạt (125mg+50mg+50mg+25mg.)	Viên	2.499,00	Có BHYT
CHXV1	Chỏm xương đùi CoCr (24.3) (Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi phủ Titanium Plasma (TPS)) (24.3) ()	Bộ	8.800.000,00	Có BHYT
CHXV2	Chỏm xương đùi CoCr (Khớp háng bán phần không xi măng chuôi phủ Titanium Plasma)(24.3) ()	Bộ	8.800.000,00	Có BHYT
CHXV3	Chỏm xương đùi CoCr (24.7) ()	Cái	8.800.000,00	Có BHYT
CIPT19	Ciprobid (23) Ciprofloxacin (400mg)	Túi	51.030,00	Có BHYT
CIPT23	Ciprobay 500 (23) Ciprofloxacin (500mg)	Viên	13.224,00	Có BHYT
CIPT28	Cinnarizin Pharma (24) Cinnarizin (25mg)	Viên	700,00	Có BHYT
CIPT29	Cilexkand Plus 8/12,5 mg (24) Candesartan+hydrochlorothiazid (8mg + 12,5mg)	Viên	2.877,00	Có BHYT
CKCH3	CK-MB calibrator(1*1ml) BMC/Mỹ 30034 ()	Lọ	493.920,00	Dịch vụ
CKCH4	CK-MB Control serum level 1(1*2ml) BMC/Mỹ ODR30035	Lọ	383.040,00	Dịch vụ

CKCH5	CK-MB Control serum level 2(1*2ml) BMC/Mỹ ODR30036	Lọ	383.040,00	Dịch vụ
CLIT2	Clindastad 150 (24) Clindamycin (150mg)	Viên	1.100,00	Có BHYT
CLOT27	Clopiaspirin 75/100 (24) Acetylsalicylic acid+clopidogrel (75mg + 100mg)	Viên	9.500,00	Có BHYT
CLOT28	Clorpheniramin (24) Chlorpheniramin (4mg)	Viên	1.025,00	Có BHYT
COMT20	Companity (24) Lactulose (5,025g)	Ống	3.300,00	Có BHYT
COMT21	Combivent (24) Ipratropium+Salbutamol (0,500mg + 2,500mg)	Lọ	16.074,00	Có BHYT
COMT22	Combivent (25) Ipratropium+Salbutamol (0,500mg + 2,500mg)	Lọ	16.074,00	Có BHYT
COMT7	COMBILIPID MCT (375ml) Acid amin+glucose+Nhũ dịch lipid (Túi 3 ngăn: A (Dung dịch glucose 16% có chứa chất điện giải) 150ml; B (Dung dịch acid amin 8% có chứa chất điện giải) 150ml; C (Nhũ tương lipid 20%) 75ml)	Túi	588.000,00	Dịch vụ
CORT17	Cordarone (24) Amiodaron hydroclorid (200 mg)	Viên	6.750,00	Có BHYT
COSH3	Control serum 1(1*5ml) BMC/Mỹ ODC003 ()	Lọ	532.980,00	Dịch vụ
COSH4	Control serum 2(1*5ml) BMC/Mỹ ODC004 ()	Lọ	570.780,00	Dịch vụ
COST5	Colchicina Seid 1mg Tablet (24) Colchicin (1mg)	Viên	5.200,00	Có BHYT
COSV2	Con sâu máy thở ()	Cái	36.000,00	Dịch vụ
COTV7	Co T khí dung ()	Cái	70.560,00	Dịch vụ
COUH1	Coulter 6C Cell Control (1*3.5ml level I,1*3.5ml level II,1*3.5ml level III) BMC/Mỹ 628027 ()	Bộ	3.373.650,00	Dịch vụ
COUT	Courtois (24) Rosuvastatin (10mg)	Viên	474,00	Có BHYT
COVT17	Coveram 5mg/5mg (23) Amlodipin+perindopril (5mg; 5mg)	Viên	6.589,00	Có BHYT
COVT18	Coversyl 5mg (23) perindopril (5mg)	Viên	5.028,00	Có BHYT
COVT19	Coveram 5mg/5mg (24) Amlodipin+perindopril (5mg+ 5mg)	Viên	6.589,00	Có BHYT
CRAT11	Cravit 1.5% (24) Levofloxacin (75mg/5ml)	Lọ	115.999,00	Có BHYT
CRAT4	CRAVIT (Levofloxacin) Levofloxacin (500 mg / 100 ml)	Lọ	162.750,00	Dịch vụ
CRAT9	Cravit 1.5% (23) Levofloxacin (15mg/ml)	Lọ	115.999,00	Có BHYT
CRET10	Crestor 10mg (23) Rosuvastatin (10mg.)	Viên	9.896,00	Có BHYT
CRIT4	CRAVIT I.V. Levofloxacin (250mg/50ml)	Lọ	95.765,00	Dịch vụ
CRIT6	CREAO INJ. Methyl prednisolon (40mg)	Lọ	32.582,00	Dịch vụ
CRST	Cratsuca Suspension "Standard" (23) sucralfat (1g/10ml)	Gói	5.000,00	Có BHYT
CRST1	Cratsuca Suspension "Standard" (24) sucralfat (1g/10ml)	Gói	5.000,00	Có BHYT
CRTT3	Cravit Tab 500 Levofloxacin (500mg)	Viên	44.747,00	Dịch vụ
CUBV2	Cup Bipolar (24.7) ()	Cái	12.100.000,00	Có BHYT
CUCV4	Cuồng chỏm xương đùi phủ Titanium Plasma (TPS) (Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi phủ Titanium	Bộ	25.300.000,00	Có BHYT
CURT15	Curam 250mg/5ml (24) Acid clavulanic+Amoxicilin ((250mg + 62,5mg)/5mlx60ml)	Chai	83.000,00	Có BHYT
CURT17	Curam 1000mg (25) Acid clavulanic+Amoxicilin (875mg +	Viên	5.946,00	Có BHYT
CYDH	cydezyme(dd tẩy rửa trên hoạt tính enzyme)(1 lít/ chai) ()	chai	884.400,00	Dịch vụ
DACT17	Dalacin C (23) Clindamycin (300mg)	Viên	11.273,00	Có BHYT
DACV37	Dao cắt hót dưới niêm mạc đầu cách điện ()	Cái	11.280.000,00	Dịch vụ
DACV38	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình núm ()	Cái	9.840.000,00	Dịch vụ
DACV39	Dao cắt hót dưới niêm mạc đầu cách điện, điện cực hình đĩa	Cái	10.120.000,00	Dịch vụ
DACV43	Dây cưa sọ não ()	Cái	226.800,00	Dịch vụ
DADV33	Dây dẫn lưu màng phổi không nòng ()	Cái	76.800,00	Dịch vụ
DADV40	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản (dây dẫn đường Zebra) ()	Cái	4.200.000,00	Dịch vụ
DADV44	Dây dẫn dịch dùng 1 lần(24.3) ()	Cái	2.750.000,00	Có BHYT
DADV45	Dây dẫn lưu silicone (dây dẫn lưu màng phổi không nòng) ()	Cái	108.360,00	Dịch vụ

DADV46	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản (PTFE) (DV) ()	Cái	385.000,00	Dịch vụ
DADV47	Dây dẫn hướng tán sỏi qua Da ()	Chiếc	346.800,00	Dịch vụ
DADV48	Dây dẫn hướng Guide đầu cong (tán sỏi qua da) ()	Chiếc	2.618.000,00	Dịch vụ
DADV49	Dây dẫn hướng 0.032in x 80cm tán sỏi ngược dòng ()	Chiếc	317.900,00	Dịch vụ
DADV50	Đầu đốt lưỡng cực bằng sóng radio cao tần Super Turbo Vac 90 (24.7) ()	Cái	6.985.000,00	Có BHYT
DADV51	Dây dẫn nước nội soi dùng một lần cho máy bơm nước kiểu SUTS (24.7) ()	Cái	1.320.000,00	Có BHYT
DADV52	Dây dẫn đường vắn vàng đầu đen (BTC) (0.032in x 150cm)	Chiếc	2.618.000,00	Dịch vụ
DAFT5	Daflon 1000mg (24) Diosmin+hesperidin (900mg+ 100mg)	Viên	7.694,00	Có BHYT
DAHV4	Dây hút nhót các số (6, 8, 10, 12, 14, 16) ()	Cái	5.280,00	Dịch vụ
DAHV5	Dây hút nhót số 6 Thái Lan ()	Cái	16.380,00	Dịch vụ
DAHV6	Dây hút phẫu thuật ()	Cái	14.880,00	Dịch vụ
DAHV7	Dây hút nhót số 14 có kiểm soát ()	Cái	4.680,00	Dịch vụ
DAHV9	Dây hút dịch các cỡ ()	Chiếc	3.780,00	Dịch vụ
DANT10	Danapha - Telfadin 180 (24) Fexofenadin (180mg)	Viên	4.200,00	Có BHYT
DANT11	Danapha - Telfadin 60 (24) Fexofenadin (60mg)	Viên	1.890,00	Có BHYT
DANT12	Đào nhân sao vàng giữ vỏ (24) Đào nhân ()	g	906,15	Có BHYT
DANT7	Danapha-Telfadin (23) Fexofenadin (60mg)	Viên	1.890,00	Có BHYT
DANV	Dây nối áp lực 30cm ()	Cái	13.860,00	Dịch vụ
DANV17	Dây Nitinol SE hàm trên, hàm dưới 016 ()	Sợi	83.160,00	Dịch vụ
DAOV4	Dây oxy số 8 ()	Cái	6.930,00	Dịch vụ
DAST10	Đảng sâm chính gừng (24) Đảng sâm (0)	g	688,00	Có BHYT
DAST11	Đan sâm chính rượu (24) Đan sâm (0)	g	299,25	Có BHYT
DATT10	Đại tràng- F (22) Mộc hương, Hoàng liên, Ngò thù du. (800mg + 300mg + 120mg + 400mg)	Viên	1.365,00	Có BHYT
DATT17	Đại táo (24) Đại táo (0)	g	157,50	Có BHYT
DATV28	Dây truyền máu B.raw(Sangofix ES 180cm LTX LL) ()	Bộ	32.760,00	Dịch vụ
DATV29	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn (DV) ()	Cái	7.440,00	Dịch vụ
DATV35	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản ()	Cái	900.000,00	Dịch vụ
DATV46	Dây thở oxy hai nhánh AMBRUS (24) ()	Cái	4.290,00	Có BHYT
DATV47	Dây truyền chữ Y ()	Chiếc	192.000,00	Dịch vụ
DATV48	Dây truyền quang (Fiber) loại 550 Um dài 3m ()	Cái	26.400.000,00	Dịch vụ
DATV49	Dây truyền quang (Fiber) loại 365 Um dài 3m ()	Cái	38.366.900,00	Dịch vụ
DATV50	Dây truyền quang (Fiber) loại 800 Um dài 3m ()	Cái	34.578.500,00	Dịch vụ
DATV51	Dây truyền quang (Fiber) loại 272 Um dài 30 ()	Cái	31.900.000,00	Dịch vụ
DAVT3	Davyca (24) Pregabalin (75mg)	Viên	980,00	Có BHYT
DEBT6	Debridat (24) Trimebutin maleat (100mg)	Viên	2.906,00	Có BHYT
DECT10	DECOLIC (23) Trimebutin maleat (24 mg)	Gói	2.100,00	Có BHYT
DECT5	DEPAKINE CHRONO Valproat natri (333 mg + 145 mg)	Viên	7.460,00	Dịch vụ
DECT7	Depakine Chrono (22) Valproat natri+Valproic acid	Viên	6.972,00	Có BHYT
DEMV	Đệm mâm chày ANTHEM ()	Cái	11.979.000,00	Dịch vụ
DEPT10	Depo-Medrol (24) Methyl prednisolon (40mg/ ml)	Lọ	34.669,00	Có BHYT
DEPT11	Depaxan (24) Dexamethason (3,3mg/ml)	Ống	24.000,00	Có BHYT
DEPT2	DEPO-MEDROL Methyl prednisolon (40MG/ML)	Lọ	37.096,00	Dịch vụ
DEST10	Deslora (23) Desloratadin (5mg)	Viên	1.515,00	Có BHYT
DEXT23	Dextrose 5%- 500ml (24) glucose khan (5%, 500ml)	Chai	20.000,00	Có BHYT
DEXT24	Dextrose 10% (24) glucose (10%, 500ml)	Chai	27.000,00	Có BHYT
DIAT13	Diazepam-hameln 5mg/ml - ống 2ml Diazepam (10 mg/ 2ml)	Ống	9.416,00	Dịch vụ
DIBT4	Dibetalic (23) betamethason dipropionat+salicylic acid (0,45g	Tuýp	14.200,00	Có BHYT
DICV13	Điện cực dán điện tim ()	Cái	2.700,00	Dịch vụ
DICV16	Điện cực cắt hình vòng 27050G ()	Chiếc	1.920.000,00	Dịch vụ

DICV17	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu 27050N ()	Chiếc	1.920.000,00	Dịch vụ
DIDT1	DIMEDROL Diphenhydramin (10mg/ ml)	Ống	541,00	Dịch vụ
DIDV3	Đĩa đệm cột sống lưng Tspace, điều chỉnh góc xoay dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn (MIS) (24.7) ()	Cái	15.345.000,00	Có BHYT
DIGT12	Digoxin-BFS (23) Digoxin (0,25mg)	Lọ	16.000,00	Có BHYT
DIGT14	DigoxineQualy (24) Digoxin (0,25mg)	Viên	630,00	Có BHYT
DIHV1	Diafil Hàn Quốc A3 (Composite đặc) ()	Tube	252.000,00	Dịch vụ
DIKV12	Đinh kitne, vật liệu thép không gỉ (1.2; 1.5; 1.8; 2.0) (DV) ()	Cái	132.000,00	Dịch vụ
DIMT29	Diamicron MR 60mg (23) Gliclazid (60mg)	Viên	5.126,00	Có BHYT
DIMT30	Diamicron MR (23) (30mg) Gliclazid (30mg)	Viên	2.682,00	Có BHYT
DIPT7	Diprosan Betamethason ((5+2)mg/ml)	Lọ	80.511,00	Dịch vụ
DIPT9	Dipartate (24) kali aspartat+Magnesi aspartat (140mg + 158mg)	Viên	987,00	Có BHYT
DIST14	Disthyrox (24) Levothyroxin (100mcg)	Viên	294,00	Có BHYT
DITV2	Discofix Tubing 25cm (Đầu nối 3 chạc có dây) ()	Cái	32.760,00	Dịch vụ
DIUT1	Diucatil Rivaroxaban (15mg)	viên	7.931,00	Dịch vụ
DIVT2	DIAPHYLLIN VENOSUM (23) Aminophylin (240mg)	Ống	17.500,00	Có BHYT
DODT2	DOXYCYCLIN (100 MG) Doxycyclin (100mg)	Viên	644,00	Dịch vụ
DOGT3	DogrelSaVi (23) clopidogrel (75mg)	Viên	540,00	Có BHYT
DOHT10	Độc hoạt tang ký sinh (23) Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh,Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm) (240mg + 184mg + 180mg + 148mg + 120mg + 120mg + 114,7mg + 104mg + 92mg + 92mg + 92mg + 88mg + 60mg + 60mg +	Viên	693,00	Có BHYT
DOHT12	Độc hoạt (24) Độc hoạt (0)	g	346,50	Có BHYT
DOMT12	Domuvar (24) Bacillus subtilis (2 x 10 mũ 9 CFU)	Ống	5.250,00	Có BHYT
DOMT5	DOMITAZOL Bromo Camphor+Xanh methylen (25mg)	Viên	2.287,00	Dịch vụ
DORT3	Dorocardyl Propranolol hydroclorid (40mg)	viên	1.139,00	Dịch vụ
DOTT2	DOTAREM Gadoteric acid (27,932g/100ml)	Lọ	600.600,00	Dịch vụ
DOTT9	Đỗ trọng chính muối (24) Đỗ trọng (0)	g	194,00	Có BHYT
DRFT5	Drotusc Forte (24) Drotaverin clohydrat (80 mg)	Viên	1.029,00	Có BHYT
DROT13	Dropstar (24) Levofloxacin (5mg/ml, 10ml)	Ống	60.000,00	Có BHYT
DROT14	Drotusc (24) Drotaverin clohydrat (40mg)	Viên	567,00	Có BHYT
DUCT4	DURATOCIN Carbetocin (100mcg/mL)	Ống	376.145,00	Dịch vụ
DUCV24	Dụng cụ lấy mẫu xét nghiệm pipet nhựa 3ml (500 cái/ hộp) ()	Cái	924,00	Dịch vụ
DUCV26	Dụng cụ lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp ()	Cái	54.000,00	Dịch vụ
DUCV30	Dụng cụ cắt khâu BQĐ dùng 1 lần ()	Bộ	2.200.000,00	Dịch vụ
DUCV35	Dụng cụ khâu cắt thẳng mô nội soi, góc quay tối đa 45 độ, tương thích với ghim có 3 hàng ghim mỗi bên (Tay cầm bằng	Cái	8.800.000,00	Dịch vụ
DUCV39	Dụng cụ (máy) cắt nối tự động dùng trong mổ mở tương thích với băng (đạn) ghim khâu có 3 hàng ghim mỗi bên (Tay cầm	Cái	7.700.000,00	Dịch vụ
DUCV40	Dụng cụ lấy polyp cỡ lớn ()	Cái	204.000,00	Dịch vụ
DUCV47	Dụng cụ ghim khâu cố định lưới thoát vị (Protack) ()	Cái	8.195.000,00	Dịch vụ
DUCV48	Dụng cụ cắt khâu nối dùng trong kỹ thuật Longo khâu cắt, treo trĩ, sa trực tràng, công nghệ DST, thiết kế đầu đe tháo rời,đường kính 33mm, chiều cao ()	Chiếc	10.450.000,00	Có BHYT
DUCV49	Dụng cụ cắt khâu nối tròn EEA Autosuture Circular Stapler công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều DST các cỡ (24.4)	Cái	10.560.000,00	Có BHYT
DUCV50	Dụng cụ cắt nối sử dụng trong kỹ thuật cắt trĩ Longo (24.7)	Cái	4.827.900,00	Có BHYT
DUOV3	Dũa ống tùy Φ8 (6 cái/vi) Mani (H-File) ()	Cái	19.950,00	Dịch vụ
DUOV4	Dũa ống tùy các số 10->40(6 cái/vi) Mani (H-File) ()	Cái	17.850,00	Dịch vụ
DUPT14	Duphaston (23) Dydrogesteron (10mg)	Viên	7.728,00	Có BHYT

DUQT3	Đương quy chính rượu (24) Đương quy (0)	g	708,00	Có BHYT
DURT6	Duratocin (24) Carbetocin (100mcg/1ml)	Lọ	358.233,00	Có BHYT
EBYT1	EBYSTA Calci carbonat+Sodium alginate+Sodium bicarbonate (500mg +160mg +267mg)	gói	4.400,00	Dịch vụ
EDIT3	Ediwel (24) clopidogrel (75mg)	Viên	1.950,00	Có BHYT
EFCT1	Effer-Paralmax Codein 10 (23) Codein+Paracetamol (500mg +	viên	2.100,00	Có BHYT
EFFT15	EFFERALGAN 300mg (ĐẤT) Paracetamol (300 mg)	Viên	3.190,00	Dịch vụ
EFFT16	EFFERALGAN (viên sủi) Paracetamol (500MG)	Viên	2.966,00	Dịch vụ
EFFT17	Efferalgan 80mg sachets Paracetamol (80mg)	Gói	2.132,00	Dịch vụ
EFFT18	Efferalgan 150mg sachets Paracetamol (150mg)	Gói	3.010,00	Dịch vụ
EFFT22	Efferalgan (24) Paracetamol (80mg)	Viên	2.025,00	Có BHYT
EFFT23	Efferalgan (24) Paracetamol (150mg)	Viên	2.420,00	Có BHYT
EFFT24	EFFERALGAN Paracetamol (250 mg)	gói	3.867,00	Dịch vụ
EFFT26	Efferalgan (25) Paracetamol (150mg)	Viên	2.421,00	Có BHYT
ELAT8	Elaria 100mg (24) Diclofenac (100mg)	Viên	14.200,00	Có BHYT
ELAT9	Elaria (24) Diclofenac (75mg/3ml)	Ống	9.900,00	Có BHYT
ELDT	ELARIA viên (DV) Diclofenac (100mg)	Viên	15.729,00	Dịch vụ
ELDT1	ELARIA Diclofenac (75mg/3ml)	Ống	10.890,00	Dịch vụ
EMAV	Emax ()	Cái	1.440.000,00	Dịch vụ
ENBT	ENTEROGERMINA Bacillus clausii (2 tỷ bào tử/ 5ml)	Ống	7.726,00	Dịch vụ
ENDH	Endomethasone 14g ()	Lọ	1.386.000,00	Dịch vụ
ENOT	Enokast 4 (24) Natri montelukast (4mg)	Gói	2.499,00	Có BHYT
ENTT12	Enterogermina (24) Bacillus clausii (2 tỷ bào tử/5 ml)	Ống	7.220,00	Có BHYT
EPAT11	Ephedrine Aguettant 30mg/ml (24) Ephedrin (30mg/ 1ml Ephedrin hydroclorid)	Ống	57.750,00	Có BHYT
EUGH	Eugenol(MỸ) ()	Lọ	113.400,00	Dịch vụ
EXFT2	Exforge 5mg/80mg Amlodipin+valsartan (5mg/80mg)	Viên	10.686,00	Dịch vụ
EXLV1	Extension Line, Minimum Volume 140 cm (DV) ()	Cái	20.400,00	Dịch vụ
EYET2	Eyetobrin 0,3% (24) Tobramycin (0,3% - 5ml)	Lọ	33.500,00	Có BHYT
FABT13	Fabamox 500mg (24) Amoxicilin (500mg)	Viên	1.029,00	Có BHYT
FAGT	Fastum Gel (24) Ketoprofen (2,5g/100g gel, 30g)	Tuýp	47.500,00	Có BHYT
FAST7	Fasthan 20 (24) Pravastatin (20mg)	Viên	6.450,00	Có BHYT
FATT1	Fatfe (24) Fenofibrat (145mg)	Viên	3.050,00	Có BHYT
FEBT4	Fentanyl B.Braun 0.1mg/2ml (24) Fentanyl (0,1mg)	Ống	16.200,00	Có BHYT
FEMV	Fetal monitoring recording paper (giấy in sản khoa) ()	Xấp	201.600,00	Dịch vụ
FENT13	Fentanyl - Hameln 50mcg/ml (23) Fentanyl (50mcg/ml)	Ống	13.500,00	Có BHYT
FERT9	Ferrola (24) Acid folic +Sắt sulfat (114mg + 0,8mg)	Viên	5.500,00	Có BHYT
FETV	FEED TUBE FR :6,8/Argyle Feeding tube 50cm FR.6;8(Sonde dạ dày số 6,8) ()	Cái	20.400,00	Dịch vụ
FLAT2	Flaben 500 (24) Diosmin (500mg)	Viên	4.200,00	Có BHYT
FLET7	Fleet Enema (24) dibasic natri phosphat+Monobasic natri phosphat ((19g+7g)/118ml - 133ml)	Chai	59.000,00	Có BHYT
FLU006	FLUCONAZOL Fluconazol (150mg)	Viên	9.630,00	Dịch vụ
FLUT28	Flumetholon 0,1 (24) Fluorometholon (5mg/5ml)	Lọ	30.072,00	Có BHYT
FOGT1	Fogyma Sắt (III) hydroxyd polymaltose (50mg/10ml)	Ống	8.025,00	Dịch vụ
FOMT	FORTTRANS Macrogol (73.690g)	Gói	38.488,00	Dịch vụ
FORT25	Foribat 80 Febuxostat (80mg)	viên	11.770,00	Dịch vụ
FORT26	Forxiga (DV) Dapagliflozin (10mg)	Viên	20.330,00	Dịch vụ
FRAT	Franilax (24) Furosemid+spironolacton (20mg + 50mg)	Viên	1.300,00	Có BHYT
FRET12	Frentine (24) Mã tiền, Thương truật, Hương phụ, Mộc hương, Địa liên, Quế chi (50mg+ 20mg+ 13mg+ 8mg+ 6mg+ 3mg.)	Viên	1.800,00	Có BHYT
FRET3	Fresofol 1% Mct/Lct (DV) 200mg/20ml Propofol (1%, 20ml)	Ống	28.890,00	Dịch vụ
FUIT5	Fullgram Injection 600mg/4ml (24) Clindamycin (150mg/ml x	Ống	81.000,00	Có BHYT

GACV7	Gạc cầu đa khoa Fi 40*1 lớp VT 10c/gói ()	Gói	5.518,00	Dịch vụ
GAHV3	GẠC HÚT Y TẾ ()	Mét	5.040,00	Dịch vụ
GAMV3	Gạc Meche 3.5cm*75cm*6 lớp vô trùng 3c/gói ()	Gói	6.000,00	Dịch vụ
GAPV10	Gạc phẫu thuật vô trùng 10cm*10cm*8 lớp 10c/gói ()	Gói	7.680,00	Dịch vụ
GAPV11	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm*40cm*6 lớp,5c/gói ()	Gói	30.000,00	Dịch vụ
GAPV12	Gạc phẫu thuật không dệt(7.5*7.5*6lớp)10 miếng/gói ()	Gói	4.896,00	Dịch vụ
GAPV14	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40cm x 6 lớp vô trùng cản quang (5 cái/gói) ()	Gói	37.800,00	Dịch vụ
GAPV15	Gạc phẫu thuật 10*10*8 lớp VT, cản quang(10 cái/gói) ()	Gói	8.820,00	Dịch vụ
GART11	Garnotal 10 (24) Phenobarbital (10mg)	Viên	140,00	Có BHYT
GART7	Garnotal 10 (22) Phenobarbital (10mg)	Viên	140,00	Có BHYT
GAVT	GAVISCON DUAL 10ml Calci carbonat+Natri alginate+natri bicarbonat ()	gói	7.438,00	Dịch vụ
GEGT1	GELOFUSINE Gelatin succinyl +Natri clorid +natri hydroxyd (20g+3,505g+0,68g)	Chai	121.800,00	Dịch vụ
GELH	Gel làm mòn men răng trước khi trám răng Prime Dent Etchant	ống	96.000,00	Dịch vụ
GELT14	Gelofusine (25) Gelatin succinyl +Natri clorid +natri hydroxyd ((20g + 3,505g + 0,68g)/500ml)	Chai	116.000,00	Có BHYT
GEMT4	Gemapaxane 6000IU/0,6ml (DV) Enoxaparin (6000IU/0,6ml)	Bơm tiêm	101.650,00	Dịch vụ
GEMT5	Gemapaxane 6000IU/0,6ml (24) Enoxaparin (6000IU/0,6ml)	Bơm tiêm	95.000,00	Có BHYT
GEMT6	Gemapaxane 4000IU/0,4ml (24) Enoxaparin (4000IU/0,4ml)	Bơm tiêm	70.000,00	Có BHYT
GENT19	Gentamicin 80mg (24) Gentamicin (80mg/2ml)	Ống	1.020,00	Có BHYT
GERT	Gerolin (DV) Citicolin (500mg/4ml)	Ống	104.860,00	Dịch vụ
GEUT1	Geumi (24) Salbutamol (5mg)	Ống	99.000,00	Có BHYT
GIDV3	Giấy điện tim 6 cần không có dòng kẻ ()	Xấp	42.000,00	Dịch vụ
GIDV8	Gía đỡ ống soi mềm 2 kênh ()	Chiếc	5.163.400,00	Dịch vụ
GLIT13	Gliclada 30mg (24) Gliclazid (30mg)	Viên	2.550,00	Có BHYT
GLIT7	Gliclada 60mg modified - release tablets (22) Gliclazid (60mg)	Viên	5.020,00	Có BHYT
GLIT9	Gliatilin (23) Choline alfoscerat (1000mg/4ml)	Ống	69.300,00	Có BHYT
GLOT1	GLOCKNER-10 (23) Thiamazol (10mg)	Viên	1.890,00	Có BHYT
GLOT2	GLOCKNER-10 (24) Thiamazol (10mg)	Viên	1.890,00	Có BHYT
GLTT	Glyceryl Trinitrat Hameln Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Ống	85.903,00	Dịch vụ
GLUT43	GLUCOSE glucose ()	Gam	32,00	Dịch vụ
GLUT76	Gluthion 600 Glutathion (600mg)	Lọ	121.800,00	Dịch vụ
GLUT78	Glucolyte-2 (24) Natri clorid + kali clorid + monobasic kali phosphat + natri acetat + magnesi sulfat + kẽm sulfat + dextrose (1,955g+ 0,375g+ 0,68g+ 0,68g Natri acetat.3H2O+ 0,316g Magne sulfat.7H2O+ 5,76mg Kẽm sulfat.7H2O+ 37,5g	Chai	17.000,00	Có BHYT
GLUT80	Glumeron 60 MR (24) Gliclazid (60mg)	viên	1.950,00	Có BHYT
GLUT81	Glucose 20% (24) glucose (20%-500ml)	Chai	11.603,00	Có BHYT
GLUT82	Glucose 10% (24) glucose (10g/100ml)	Chai	9.450,00	Có BHYT
GLUT83	Glumeform 1000 XR (24) metformin (1000mg)	viên	1.490,00	Có BHYT
GLUT84	Glucose 10% (25) glucose khan (10%,500ml)	Chai	9.450,00	Có BHYT
GLXT9	Glucophage XR 500mg (23) metformin (500mg)	Viên	2.338,00	Có BHYT
GOFT1	GOLISTIN-ENEMA FOR CHILDREN dibasic natri phosphat	Lọ	44.592,00	Dịch vụ
GOLT33	Goldprofen (24) Ibuprofen (400mg)	Viên	5.000,00	Có BHYT
GRAH	Gram ()	Bộ	317.520,00	Dịch vụ
GRAT11	Grafort (24) Dioctahedral smectit (3000mg)	Gói	7.800,00	Có BHYT
GRET9	Greentamin (24) Acid folic +Sắt fumarat (200mg + 0,75mg)	Viên	882,00	Có BHYT
HACT	Hanger Ciprobay 400mg/200ml ()	Cái	596,00	Dịch vụ
HACV1	Hàm chỉnh nha ()	Cái	180.000,00	Dịch vụ

HADT1	Haloperidol DWP 5mg (23) Haloperidol (5mg)	Viên	483,00	Có BHYT
HADT2	Haloperidol DWP 5mg (24) Haloperidol (5mg)	Viên	483,00	Có BHYT
HAKV14	Hàm khung trên ()	Cái	360.000,00	Dịch vụ
HAKV15	Hàm khung dưới ()	Cái	300.000,00	Dịch vụ
HALT12	HALIXOL (24) Ambroxol (30mg)	Viên	1.599,00	Có BHYT
HAOT1	Harnal Ocas 0,4mg (23) Tamsulosin hydroclorid (0,4mg)	Viên	14.700,00	Có BHYT
HAPT20	Hapacol 80 (24) Paracetamol (80mg)	gói	800,00	Có BHYT
HAPT21	Hapacol 150 (24) Paracetamol (150mg)	gói	730,00	Có BHYT
HATT7	Hà thủ ô đồ chế (24) Hà thủ ô đồ (0)	g	254,00	Có BHYT
HATV2	Hàm tháo lắp 2 răng nhựa dẻo nền trung ()	Cái	336.000,00	Dịch vụ
HATV3	Hàm tháo lắp 1 răng nhựa dẻo bán nền ()	Cái	300.000,00	Dịch vụ
HECV	Hemoclip cầm máu mở 11mm ()	Cái	502.800,00	Dịch vụ
HECV1	Hemoclip cầm máu mở 16mm ()	Cái	660.000,00	Dịch vụ
HEFV	HETIS FILM + PAD KT 90mm x 150mm ()	Miếng	11.520,00	Dịch vụ
HEFV1	HETIS FILM + PAD KT 90mm + 250mm ()	Miếng	16.200,00	Dịch vụ
HEHV	Hetis Hydrocolloid KT 10 x10(gạc) ()	Miếng	51.408,00	Dịch vụ
HEHV1	Hetis Hydrocolloid KT 5 x20(gạc) ()	Miếng	46.800,00	Dịch vụ
HEIV	Hetis IV Dressing 6070C(Gạc cố định kim luồn) ()	Miếng	3.276,00	Dịch vụ
HENV	HETIS NON-WOVEN PAD KT 90 x 200mm ()	Miếng	8.880,00	Dịch vụ
HEPT20	Hepa-Merz L-Ornithin - L- aspartat (5g/10ml)	Ống	126.000,00	Dịch vụ
HEPV	Hetis Pu Foam KT 10 x10(gác xốp vô trùng) ()	Miếng	72.000,00	Dịch vụ
HETV2	Hệ thống dao mổ siêu âm (Tay mổ siêu âm dạng súng), chủng loại: Ultrasonic Surgical Scalpel mã hàng: SG35 ()	Cái	12.650.000,00	Dịch vụ
HETV3	Hệ thống dao mổ siêu âm (Tay mổ siêu âm dạng kéo), chủng loại: Ultrasonic Surgical Scalpel mã hàng: SS9 ()	Cái	12.650.000,00	Dịch vụ
HIDT12	Hidrasec 30mg Children (24) Racecadotril (30mg)	Gói	5.354,00	Có BHYT
HISV	HisolTM 1.5ml Micro tube ()	Túi	420.000,00	Dịch vụ
HOKT	Hoàng kỳ chích mật (24) Hoàng kỳ (0)	g	399,00	Có BHYT
HONV	Hộp nhựa(cassettes) đựng mẫu xét nghiệm HC11- 30W ()	Cái	3.120,00	Dịch vụ
HOST2	Hoài sơn (24) Hoài sơn ()	g	152,00	Có BHYT
HUTT3	Huyết tương tươi đông lạnh 250ml Huyết tương tươi đông lạnh	Túi	283.000,00	Có BHYT
HUTT8	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT) (24) Huyết thanh kháng uốn ván (1.500IU)	Ống	31.500,00	Có BHYT
HYCT	Hyper child (10ml)	Lọ	19.260,00	Dịch vụ
HYDT12	Hydrocortison Hydrocortison (100mg)	Lọ	17.931,00	Dịch vụ
HYFT	Hyasyn forte Natri hyaluronat (20mg/2ml)	Bơm	630.000,00	Dịch vụ
IBMT	Ibartain MR (24) Irbesartan (150mg)	Viên	6.290,00	Có BHYT
IMCT	Imipenem cilastatin Kabi cilastatin+Imipenem (500+500mg;)	Lọ	95.230,00	Dịch vụ
IMCT5	Imipenem Cilastatin Kabi (VT23) cilastatin+Imipenem (500mg	Lọ	89.000,00	Có BHYT
IMET4	IMEXIME 50 (23) Cefixim (50mg)	Gói	5.000,00	Có BHYT
IMET6	Imexime 100 (24) Cefixim (100mg)	Gói	6.000,00	Có BHYT
IMET8	IMEXIME 50 (24) Cefixim (50mg)	Gói	5.000,00	Có BHYT
IMNT	Implanon NXT (68mg)	Que	1.755.012,00	Dịch vụ
INFT8	INFLAFEN 75 Ketoprofen (75mg)	Viên	725,00	Dịch vụ
INGT	Ingair 10mg (24) Natri montelukast (10mg)	Viên	590,00	Có BHYT
INPV1	Intrafix primeline 180cm (dây truyền dịch) ()	Cái	16.380,00	Dịch vụ
INST1	INSULATARD Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	UI	76,00	Dịch vụ
INST10	INSUNOVA -G PEN (24) Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec) (100IU/ml)	IU	713,00	Có BHYT
ITAT	Itamegrani 1 (24) Granisetron hydroclorid (1 mg)	Ống	26.500,00	Có BHYT
ITCH4	ITA Control Serum level 1 (1*2ml) BMC/Mỹ 0014 ()	Lọ	3.273.480,00	Dịch vụ

ITCH5	ITA Control Serum Level 2 BMC/Mỹ 0015 ()	Lọ	2.798.460,00	Dịch vụ
ITCH6	ITA Control Serum level 3 (1*2ml) BMC/Mỹ ODC0016 ()	Lọ	3.011.400,00	Dịch vụ
JANT5	Janumet metformin+Sitagliptin (50 mg /850 mg)	Viên	11.388,00	Dịch vụ
JIRT	Jiracek-20 (23) Esomeprazol (20mg)	Viên	760,00	Có BHYT
JIRT1	Jiracek-20 (24) Esomeprazol (20 mg)	Viên	760,00	Có BHYT
KACT12	KALIMATE Calci (5g)	Gói	15.729,00	Dịch vụ
KACT21	Kali clorid (24) kali clorid (500mg)	Viên	700,00	Có BHYT
KACT22	Kali clorid 10% (24) kali clorid (1g/10ml)	Ống	1.470,00	Có BHYT
KAMT4	Kama-BFS (24) kali aspartat+Magnesi aspartat (400mg +	Lọ	16.000,00	Có BHYT
KEET	Ketoprofen EC DWP 100mg (23) Ketoprofen (100 mg)	Viên	2.394,00	Có BHYT
KEET1	KETOPROFEN EC DWP 100MG Ketoprofen (100 mg)	Viên	2.633,00	Dịch vụ
KEET2	Ketoprofen EC DWP 100mg (24) Ketoprofen (100 mg)	Viên	2.391,00	Có BHYT
KEPT5	Ketamine Panpharma 50mg/ml Ketamin (500 mg - 10 ml)	Lọ	69.935,00	Dịch vụ
KERV2	Kẹp rốn MPV ()	Cái	2.640,00	Dịch vụ
KHHT10	Khối hồng cầu từ 350 ml máu toàn phần (đã bao gồm xét nghiệm NAT và sàng lọc kháng thể bất thường) (25) Khối	Túi	1.027.000,00	Có BHYT
KHHT11	Khuong hoàng/Nghệ vàng (24) Khuong hoàng ()	g	157,50	Có BHYT
KHHT5	Khối hồng cầu từ 250 ml máu toàn phần Khối hồng cầu ()	Túi	885.000,00	Có BHYT
KHHT8	Khuong hoạt (24) Khuong hoạt (0)	g	1.647,98	Có BHYT
KHHT9	Khuong hoàng (24) Khuong hoàng (0)	g	156,00	Có BHYT
KHHV110	Khớp háng thay lại bán phần không xi măng(23.2) ()	Bộ	82.950.000,00	Có BHYT
KHMT	Khối hồng cầu từ 50 ml máu toàn phần (50 ml)	Túi	166.000,00	Dịch vụ
KHMOV3	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da (BTC) ()	Bộ	495.000,00	Dịch vụ
KHOV2	Discofix C (Đầu nối 3 chạc) (DV) ()	Cái	16.800,00	Dịch vụ
KHTT1	Khối tiểu cầu gạn tách 250ml hãng Amicus (21) Khối tiểu cầu	Túi	699.500,00	Có BHYT
KHTT6	Khối tiểu cầu 8 đơn vị từ 2.000 ml máu toàn phần (chưa bao gồm túi pool và lọc bạch cầu) Khối tiểu cầu (250ml)	Túi	1.088.000,00	Có BHYT
KHTT7	Khiếm thực sao vàng (24) Khiếm thực (0)	g	394,80	Có BHYT
KHTV20	khẩu trang y tế tanaphar ()	Cái	1.006,00	Dịch vụ
KHTV28	Khẩu trang 3M-N95 ()	Cái	24.000,00	Dịch vụ
KHTV29	Khẩu trang tulip ()	Cái	10.800,00	Dịch vụ
KIBV5	Kính bảo hộ ()	Cái	44.100,00	Dịch vụ
KICV19	Kim chích thủ(200c/hộp)(Dao chích máu) ()	Cái	315,00	Dịch vụ
KICV20	Kim chích cầm máu,đường kính 2.3mm,dài 2300mm,chiều dài kim 4mm (kim 23G)Model:VDK -IN-23-230-2304-A ()	Cái	312.000,00	Dịch vụ
KICV21	Kim châm cứu các số ()	Cái	636,00	Dịch vụ
KICV35	Kim chọc dò, gây tê tủy sống Spinocan (DV) ()	Cái	34.200,00	Dịch vụ
KICV38	Kim chọc dò qua cuống sống đường kính 4.3mm (24) ()	Cái	2.750.000,00	Có BHYT
KICV39	Kim chọc dò tạo đường hầm đường kính 3.5mm (24) ()	Cái	2.035.000,00	Có BHYT
KICV40	Kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống đường kính 3.5mm	Cái	2.200.000,00	Có BHYT
KICV41	Kim chọc dò ()	Chiếc	320.100,00	Dịch vụ
KIDT6	Kidbufen-New Ibuprofen (100mg)	Gói	3.300,00	Dịch vụ
KIDT8	Kidhepet-New Aciclovir (200mg)	gói	2.980,00	Dịch vụ
KIGV2	Kim gấp dẹt vật dạng lưới , đường kính 30*60mm, dài 2300mm Model:VDK -FG-25-230-C3 ()	Cái	480.000,00	Dịch vụ
KILV11	Kim luồn tĩnh mạchTerumo ()	Cái	12.600,00	Dịch vụ
KILV21	Kim luồn tĩnh mạch (18G, 20G, 22G) (24.4) ()	Cái	3.465,00	Có BHYT
KILV9	Kim luồn mạch máu an toàn có cánh các loại các cỡ (Vasofix Safety Introcan) B.Braun/Malaysia ()	Cái	22.440,00	Dịch vụ
KIOV1	Kim OT Delica lancet 25 cái/ Hộp ()	Cái	2.615,00	Dịch vụ

KISV14	Kìm sinh thiết, đường kính 2.3 mm,dài 1600mm.Model :VDK - FB -23-160-O-O-B1 ()	Cái	180.000,00	Dịch vụ
KISV15	Kìm sinh thiết dùng 1 lần ()	Cái	144.000,00	Dịch vụ
KITV14	Kim tiêm cầm máu ()	Cái	540.000,00	Dịch vụ
KITV16	Kim tiêm MPV(24.3) ()	Chiếc	378,00	Có BHYT
KITV18	Kim tiêm MPV (24.4) ()	Cái	378,00	Có BHYT
KLAT13	Klamenti 250/31.25 (24) Acid clavulanic+Amoxicilin (250mg + 31,25mg)	gói	3.100,00	Có BHYT
KLAT15	Klacid (25) Clarithromycin (125mg/5ml- 60ml)	Lọ	103.140,00	Có BHYT
KOZT	Kozemix (22) indapamid+perindopril (8mg + 2,5mg)	Viên	3.450,00	Có BHYT
LACT11	Lacbiosyn (24) Lactobacillus acidophilus (10 ⁸ CFU)	Viên	1.386,00	Có BHYT
LACT12	Laci-eye (24) Hydroxypropylmethylcellulose (0,3%, 0,4ml)	Ống	5.500,00	Có BHYT
LACT7	Laci-eye (23) Hydroxypropylmethylcellulose (0,3% - 0,4ml)	Ống	5.500,00	Có BHYT
LAFT2	Laforin Chlorhexidin (500ml)	Lọ	101.115,00	Dịch vụ
LAMV	Lá matrix thép (10 cái/ gói) ()	Gói	31.500,00	Dịch vụ
LAMV6	Lá matrix thép(10 cái/gói) ()	Gói	31.500,00	Dịch vụ
LART2	Lactated Ringer's (24) Calci clorid+Kali clorid+Natri clorid +natri lactat ((3g + 1,55g + 0,15g + 0,1g)/500ml, 500ml)	Chai	6.783,00	Có BHYT
LATT1	Lạc tiên (24) Lạc tiên ()	g	117,60	Có BHYT
LEVT37	Levothyrox (24) Levothyroxin (50mcg)	Viên	1.007,00	Có BHYT
LEVT38	Levobupi - BFS 50mg Levobupivacain (50mg/10ml)	Lọ	89.880,00	Dịch vụ
LIAT5	Lisinopril ATB 10mg (23) lisinopril (10mg)	Viên	1.900,00	Có BHYT
LIBT2	Lidocain- BFS 200mg (24) Lidocain hydroclodrid	Lọ	15.000,00	Có BHYT
LICT2	Lichaunox (2mg/ml- túi 300ml)	Túi	456.750,00	Dịch vụ
LIDT	Lidocain (VP) Lidocain hydroclodrid (2ml,2% (40MG/2ML))	Ống	782,00	Dịch vụ
LIDT20	Lidocain (24) Lidocain hydroclodrid (3,8g)	Lọ	159.000,00	Có BHYT
LILT	LIDOCAIN 38G Lidocain hydroclodrid (10%- 38g)	Lọ	166.950,00	Dịch vụ
LINT12	Liên nhục sao vàng (24) Liên nhục ()	g	210,00	Có BHYT
LIPT34	Lipagim 160 (24) Fenofibrat (160mg)	Viên	485,00	Có BHYT
LIPT35	Lipitor (24) Atorvastatin (10mg)	Viên	15.941,00	Có BHYT
LIST4	Lignospan standard Epinephrin+Lidocain hydroclodrid (Lidocaine Hydrochloride 2% and Epinephrine 1:100,000	Ống	14.408,00	Dịch vụ
LOCV	Lõi cầu xương đùi ANTHEM ()	Cái	26.950.000,00	Dịch vụ
LODT	Lovastatin DWP 10mg (23) Lovastatin (10mg)	Viên	1.197,00	Có BHYT
LODT1	Lovastatin DWP 10mg (24) Lovastatin (10mg)	Viên	1.176,00	Có BHYT
LONT3	Long nhãn (24) Long nhãn ()	g	504,00	Có BHYT
LONV1	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml HTM nắp đỏ có nhãn ()	Cái	1.790,00	Dịch vụ
LONV2	Lọ nhựa đựng phân không có chất bảo quản 50ml HTM nắp vàng có nhãn ()	Cái	2.394,00	Dịch vụ
LOWT	Lowsta 20mg (24) Lovastatin (20mg)	Viên	3.450,00	Có BHYT
LUBV40	Lưỡi bào khớp bằng sóng Radio Frequency đóng tiết trùng loại	Cái	8.712.000,00	Có BHYT
LUBV41	Lưỡi bào khớp đóng tiết trùng loại 5 (23) ()	Cái	4.950.000,00	Có BHYT
LUBV43	Lưỡi bào sụn khớp DYONICS, cửa sổ bào rộng, thiết kế rộng nòng (24.2) ()	Cái	5.005.000,00	Có BHYT
LUBV44	Lưỡi bào (mài) xương các cỡ, cửa sổ mài rộng, thiết kế rộng nòng DYONICS (24.2) ()	Cái	5.005.000,00	Có BHYT
LUBV45	Lưỡi bào khớp kiểu fastcut đường kính các cỡ, các loại (24.7)	Cái	4.510.000,00	Có BHYT
LUBV46	Lưỡi bào mài xương trong nội soi khớp hình bầu dục (24.7)	Cái	5.500.000,00	Có BHYT
LUCV17	Lưỡi cắt đốt đơn cực loại cong 90 °(24.3) ()	Cái	6.798.000,00	Có BHYT
LUCV19	Lưỡi cắt đốt mô bằng sóng radio cao tần SUPER TURBO VAC 90 (DV) ()	Cái	6.985.000,00	Dịch vụ

LUCV20	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio (24.7) ()	Cái	6.270.000,00	Có BHYT
LUCV21	Lưỡi cắt, đốt bằng sóng radio dùng trong phẫu thuật nội soi - Arthross SN pro probe (24.7) ()	Cái	7.150.000,00	Có BHYT
LUDV3	Lưỡi dao mổ ()	Cái	1.032,00	Dịch vụ
LUDV5	Lưới điều trị thoát vị, kích thước 10 x 15cm (DV) ()	Miếng	360.470,00	Dịch vụ
LUTV3	Lưới thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene chất liệu Polypropylene, kích thước 15x10 cm PPL1510X3 (24.6) ()	Cái	1.320.000,00	Có BHYT
MACV10	Mâm chày ANTHEM ()	Cái	21.505.000,00	Dịch vụ
MACV8	Mắc cài răng hàm số 6 victory UR ()	Cái	167.580,00	Dịch vụ
MACV9	Mắc cài răng số 6 ()	Bộ	144.000,00	Dịch vụ
MAGT16	Magnesi-BFS 15% (24) Magnesi sulfat (750mg)	Ống	3.700,00	Có BHYT
MAGV9	Mảnh ghép thoát vị bẹn, 15x10cm chất liệu polypropylene ()	Miếng	1.320.000,00	Dịch vụ
MAKV6	mask khí dung(Dây +mask+bầu)(Trẻ em TQ) ()	Cái	20.400,00	Dịch vụ
MALT7	Maltagit (24) Attapulgit mormoiron hoạt hóa+hỗn hợp magnesi carbonat+nhôm hydroxyd (2500mg + 500mg)	Gói	1.680,00	Có BHYT
MAMV3	Màng mổ trong phẫu thuật, vô trùng, có Iode có keo Acrylate 35x35cm(66400) ()	Miếng	151.200,00	Dịch vụ
MANT12	Mannitol - 250ml (23) Manitol (20%-250ml)	Chai	18.900,00	Có BHYT
MANV11	Mặt nạ thở oxy có túi ECO (MPV/ Việt Nam) ()	Bộ	26.400,00	Dịch vụ
MANV2	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 1.5 ()	Cái	720.000,00	Dịch vụ
MANV3	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 4,5 ()	Cái	624.000,00	Dịch vụ
MANV5	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 3 ()	Cái	624.000,00	Dịch vụ
MAOH3	MAS Omnl.IMMUNE 2(1*5ml) OIM - 202 ()	Lọ	2.386.440,00	Dịch vụ
MAOH4	MAS Omnl.IMMUNE 3(1*5 ml) OIM - 303 ()	Lọ	2.386.440,00	Dịch vụ
MAOH5	MAS Omnl. IMMUNE 1(1*5ml) OIM -101 ()	Lọ	2.386.440,00	Dịch vụ
MARV	Măng ranh số 14Fr (Cây đặt nội khí quản) ()	Chiếc	90.000,00	Dịch vụ
MAST12	Magnesi sulfat Kabi 15% (23) Magnesi sulfat (1,5g/10ml)	Ống	2.898,00	Có BHYT
MAST2	MARCAINE SPINAL HEAVY Bupivacain (hydroclorid) 0.5%, 20ml (0,5% 20mg/4ml)	Ống	44.512,00	Dịch vụ
MAXT15	Maxitrol (24) Dexamethason+Neomycin+polymyxin B ((1mg + 3500IU + 6000IU)/ml)	Lọ	41.800,00	Có BHYT
MEAT3	Medskin Acyclovir 200 (24) Aciclovir (200mg)	viên	848,00	Có BHYT
MECH6	MEDTEC Cast Comfort Spay(Xịt bó bột) ()	chai	330.000,00	Dịch vụ
MECT14	MedSkin Clovir 800mg Aciclovir (800mg)	Viên	3.326,00	Dịch vụ
MECT22	Medskin clovir 800 (23) Aciclovir (800 mg)	Viên	3.200,00	Có BHYT
MEDT28	MEDOZOPEN Meropenem (1 g)	Lọ	189.000,00	Dịch vụ
MEDT45	Medoxasol 500mg (24) Levofloxacin (500mg)	Viên	8.450,00	Có BHYT
MEDT46	Medocef 1g (23) Cefoperazon (1g)	Lọ	54.000,00	Có BHYT
MEDT51	Medlon 16 (24) Methyl prednisolon (16mg)	viên	1.364,00	Có BHYT
MEDT52	Meza-Calci D3 (24) Calci carbonat+Vitamin D3 (750mg +	Viên	798,00	Có BHYT
MEDT53	Meza-Calci D3 (DV) (750mg + 200IU)	Viên	918,00	Dịch vụ
MEDT55	Medrol (24) Methyl prednisolon (16mg)	Viên	3.672,00	Có BHYT
MEGT5	Meglucon 1000 (22) metformin (1000mg)	Viên	898,00	Có BHYT
MEKT5	MEROPENEM KABI Meropenem (1g)	Lọ	136.500,00	Dịch vụ
MEKT7	MEROPENEM Kabi Meropenem (500mg)	Lọ	74.900,00	Dịch vụ
MEMT10	Methylergometrine Maleate injection 0,2mg - 1ml (23) Methyl ergometrin maleat (0,2mg/ml x 1ml)	Ống	18.900,00	Có BHYT
MEMT6	METHYLERGOMETRINE (DV) Methyl ergometrin maleat (0,2mg/ml x 1ml)	Ống	22.042,00	Dịch vụ
MENT6	Menison 4mg (22) Methyl prednisolon (4mg)	Viên	900,00	Có BHYT
MENT7	Menison 4mg (23) Methyl prednisolon (4mg)	Viên	890,00	Có BHYT

MEPT6	MEPOLY (24) Dexamethason+Neomycin+polymyxin B ((35mg+ 100.000IU+ 10mg)/10ml)	Lọ	37.000,00	Có BHYT
METT11	METRONIDAZOL KABI (DV) Metronidazol (500mg/100ml)	Chai	8.315,00	Dịch vụ
METT54	METHORPHAN Dextromethorphan+guaifenesin+Loratadin (10mg+2.5mg+100mg)	Viên	1.166,00	Dịch vụ
METT55	Methycobal Mecobalamin (500mcg/ml)	Ống	37.076,00	Dịch vụ
METT56	Metformin 500 (23) metformin (500mg)	Viên	435,00	Có BHYT
METT57	Metovance (23) Glibenclamid+metformin (5 mg + 500mg)	Viên	2.600,00	Có BHYT
METT68	Methotrexat "Ebewe" 500mg/5ml Methotrexat (500mg/5ml)	Lọ	571.200,00	Dịch vụ
METT69	Metazydyna (24) Trimetazidin (20mg)	Viên	1.800,00	Có BHYT
METT70	Metronidazol (DV) Metronidazol (250mg)	Viên	290,00	Dịch vụ
METT73	Metronidazole/Vioser (24) Metronidazol (5mg/ml x 100ml)	Chai	18.000,00	Có BHYT
METT74	Methylprednisolon 4mg (24) Methyl prednisolon (4mg)	Viên	890,00	Có BHYT
METT75	Metformin 500 (25) metformin (500mg)	Viên	435,00	Có BHYT
MEXT2	MetSwift XR 750 (24) metformin (750mg)	Viên	1.800,00	Có BHYT
MEXT3	MetSwift XR 500 (24) metformin (500mg)	Viên	650,00	Có BHYT
MEZT22	Mezaterol 20 (23) Bambuterol (20mg)	Viên	1.785,00	Có BHYT
MEZT24	Mezatrihexyl (23) Magnesi trisilicat +nhôm hydroxyd (250mg	Viên	1.491,00	Có BHYT
MEZT25	Mezaverin 120 mg (23) Alverin citrat (120mg)	Viên	630,00	Có BHYT
MEZT30	Mezatrihexyl (24) Magnesi trisilicat +nhôm hydroxyd (250mg	Viên	1.491,00	Có BHYT
MICT13	Micardis (23) telmisartan (40mg)	Viên	9.832,00	Có BHYT
MICT7	MIACALCIC Calcitonin (50IU/ml)	Ống	98.724,00	Dịch vụ
MICV4	Miếng cầm máu mũi Merocel 440402*1 ()	Miếng	220.500,00	Dịch vụ
MICV6	Miếng cầm máu Spongostan bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng, không tan 7x5x1cm ()	Miếng	213.600,00	Dịch vụ
MIDV2	Miếng dán vết mổ 30cm x 28cm ()	Miếng	138.000,00	Dịch vụ
MIFT1	MIFESTAD Mifepriston (200 MG)	Viên	87.740,00	Dịch vụ
MIGV41	Miếng ghép đĩa đệm lưng, 28mm x 10mm (24.3) ()	Cái	12.650.000,00	Có BHYT
MIGV42	Miếng ghép đĩa đệm lưng, 28 x 8mm (24.3) ()	Cái	12.650.000,00	Có BHYT
MIGV43	Miếng ghép đĩa đệm lưng, 28 x 7mm (24.3) ()	Cái	12.650.000,00	Có BHYT
MIHT2	Mibetel HCT (23) Hydroclorothiazid+telmisartan	Viên	4.095,00	Có BHYT
MILT8	Milurit (23) Allopurinol (300mg)	Viên	2.500,00	Có BHYT
MINT5	Minicef 400mg (24) Cefixim (400mg)	Viên	10.500,00	Có BHYT
MIST	MISOPROSTOL Misoprostol (200MCG)	Viên	4.950,00	Dịch vụ
MITV1	Miếng thoát vị nội soi bụng mesh cỡ 10 x 15cm ()	Miếng	1.320.000,00	Dịch vụ
MORT13	Morphin (23) Morphin (10mg)	Ống	7.000,00	Có BHYT
MORT14	Moritus (24) Pregabalin (75mg)	Viên	950,00	Có BHYT
MORT9	Morphin Morphin (10mg/ 1ml)	Ống	7.490,00	Dịch vụ
MOTT16	Motuzen Silymarin (100mg)	viên	5.885,00	Dịch vụ
MOVV1	Mỏ vịt nhựa ()	Cái	4.410,00	Dịch vụ
MOXT8	Moxifloxacin 400mg/250ml Moxifloxacin (400mg/250ml)	Chai	258.300,00	Dịch vụ
MOXT9	Moxieye (24) Moxifloxacin (5 mg/ml, 0,4 ml)	Ống	5.500,00	Có BHYT
MUKV15	Mũi khoan các số Mani ()	Cái	31.500,00	Dịch vụ
MUKV17	Mũi khoan cắt xương Dentsply ()	Cái	289.800,00	Dịch vụ
MUKV18	Mũi khoan đen Mani (Mũi khoan kim cương Dia Burs loại siêu	Cái	35.280,00	Dịch vụ
MUKV19	Mũi khoan ngược dùng trong nội soi khớp Acufex Trunav, rỗng nòng (DV) ()	Cái	5.500.000,00	Dịch vụ
MUMV2	Mũi mài đá ()	Cái	15.120,00	Dịch vụ
MUMV4	Mũi mài nhựa quả dưa(Mài hàm tháo lắp) ()	Cái	56.700,00	Dịch vụ
MUPV2	Mũ phẫu thuật ()	Cái	1.560,00	Dịch vụ
MUTT	Muối tái sinh ()	Kg	16.050,00	Dịch vụ

MUUV1	Multi use Drawing Needle 22g*1 1/2 (2000pcs) 450075 ()	Cái	2.898,00	Dịch vụ
MYCT3	Mycotrova 1000 (23) Methocarbamol (1000mg)	Viên	2.499,00	Có BHYT
MYCT7	Mycotrova 1000 (24) Methocarbamol (1000mg)	Viên	2.499,00	Có BHYT
MYOT1	MYONAL Eperison (50mg)	Viên	3.758,00	Dịch vụ
MYPT	MYDRIN-P PHENYLEPHRINE HYDROCLORID+TROPICAMID (0,5%) phenylephrine	Lọ	72.225,00	Dịch vụ
NABT4	NATRI BICARBONAT 1,4% 500ML natri bicarbonat (1,4%	Chai	42.800,00	Dịch vụ
NABT6	Natri bicarbonat 1,4% (24) natri bicarbonat (1,4% - 500ml)	Chai	40.000,00	Có BHYT
NABT7	Natri bicarbonat 1,4% (25) natri bicarbonat (1,4g/100ml)	Chai	4.000,00	Có BHYT
NACT45	Natri clorid 10% (22) Natri clorid (10% - 250ml)	Chai	11.897,00	Có BHYT
NACT59	Natri clorid 0,9%-1000ml SG (24) Natri clorid (0,9g/100ml,	Chai	12.810,00	Có BHYT
NACT60	Natri clorid 0,9% 250ml-SG (24) Natri clorid (0,9g/100ml,	Chai	6.972,00	Có BHYT
NACT61	Natri Clorid 0,9% (24) Natri clorid (0,9%/10ml)	Lọ	1.320,00	Có BHYT
NACT62	Natri clorid 0,9% (24) TAC Natri clorid (0.9% -100ml)	Túi	5.670,00	Có BHYT
NACT63	Natri clorid 0,9% (24) Natri clorid (0,9%- 500ml)	Chai	7.350,00	Có BHYT
NACT7	NATRI CLORID 250ml (DV) Natri clorid (0,9% - 250ml)	Chai	8.578,00	Dịch vụ
NACT8	NATRI CLORID (NẮP XOÁY) Natri clorid (0.9%,500ml)	Chai	5.060,00	Dịch vụ
NACV3	Nắp chụp đầu ống nội soi, đường kính 12.6-13.2mm,mã BX00711774 ()	Cái	600.000,00	Dịch vụ
NACV4	Nắp chụp đầu ống nội soi, đường kính 8.9 - 9.5mm,mã	Cái	600.000,00	Dịch vụ
NACV5	Nắp chụp bảo vệ đầu dây nội soi ()	Cái	420.000,00	Dịch vụ
NACV6	Nacera ()	Cái	1.680.000,00	Dịch vụ
NAP005	NAPHAZOLIN 8ml Naphazolin (0,05%- 8ml)	Lọ	1.430,00	Dịch vụ
NAPT10	Naptogast 20 (24) Pantoprazol (20mg)	Viên	1.369,00	Có BHYT
NAPT8	Naptogast 20 (23) Pantoprazol (20 mg)	Viên	1.369,00	Có BHYT
NAST13	Nafloxin solution for infusion 200mg/100ml (24) Ciprofloxacin (Mỗi 1ml dung dịch chứa: Ciprolfoxacin (dưới	Chai	35.700,00	Có BHYT
NASV1	Nắp sinh thiết, có kênh tưới rửa, dùng cho ống soi Fuji ()	Cái	600.000,00	Dịch vụ
NATT15	Natrixam 1.5mg/5mg (24) Amlodipin+indapamid (1,5mg+	Viên	4.987,00	Có BHYT
NATT9	Natrixam 1.5mg/5mg (23) Amlodipin+indapamid (1,5mg; 5mg)	Viên	4.987,00	Có BHYT
NATV4	Nắp trong ống nghiệm 16*100 (500 cái) ()	Cái	378,00	Dịch vụ
NECV27	Nẹp cổ cứng H1 ()	Cái	138.600,00	Dịch vụ
NECV56	Nelaton Catheter ()	Cái	10.673,00	Dịch vụ
NEDV38	Nẹp dọc cột sống uốn sẵn (rod) 5.5 x80mm (24.3) ()	Cái	3.850.000,00	Có BHYT
NEDV40	Nẹp dọc cột sống rod đường kính 6.0mm dài 600mm (24.3)	Cái	1.595.000,00	Có BHYT
NEGV2	Nẹp gối chức năng H2 ()	Cái	720.000,00	Dịch vụ
NEKV444	Nẹp khóa bàn ngón chữ T titan dùng vít 2.0mm 5 lỗ thân (24.2)	Cái	3.410.000,00	Có BHYT
NEKV451	Nẹp khóa mắt xích dùng vít 3.5mm các cỡ, chất liệu Titanium 8 lỗ(24.3) ()	Cái	4.400.000,00	Có BHYT
NEKV452	Nẹp khóa mắt xích dùng vít 3.5mm các cỡ, chất liệu Titanium 6 lỗ(24.3) ()	Cái	4.400.000,00	Có BHYT
NEKV454	Nẹp khóa đầu dưới xương chày dùng vít 3.5mm các cỡ, chất liệu Titanium (DV) ()	Cái	5.775.000,00	Dịch vụ
NEKV456	Nẹp khóa đầu trên xương chày dùng vít 3.5 các cỡ chất liệu Titanium 5 lỗ phải(DV) ()	Cái	5.775.000,00	Dịch vụ
NEKV469	Nẹp khóa mắt xích, titan, 7 lỗ (24.5) ()	Cái	7.260.000,00	Có BHYT
NEKV470	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ, chất liệu Titanium, 5 lỗ (24.3) ()	Cái	3.850.000,00	Có BHYT
NEKV471	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, titan, 4 lỗ trái (24.5) ()	Cái	10.780.000,00	Có BHYT
NEKV472	Nẹp khóa xương gót, đa trục, titan, phải cỡ S (24.5) ()	Cái	12.815.000,00	Có BHYT
NEKV473	Nẹp khóa xương gót, đa trục, titan, trái cỡ S (24.5) ()	Cái	12.815.000,00	Có BHYT

NEKV474	Nẹp khóa mắt xích, titan, 6 lỗ (24.5) ()	Cái	7.260.000,00	Có BHYT
NEKV476	Nẹp khóa đầu trên xương chày ngoài, titan, 7 lỗ trái (24.5) ()	Cái	8.965.000,00	Có BHYT
NEKV477	Nẹp khóa mắt xích, titan, 8 lỗ (24.5) ()	Cái	7.260.000,00	Có BHYT
NEKV478	Nẹp khóa đầu trên xương đùi dùng vít 5.0mm các cỡ, chất liệu Titanium, 5 lỗ (24.3) ()	Cái	6.050.000,00	Có BHYT
NEKV479	Nẹp khóa xương đòn các cỡ, chất liệu Titanium, 7 lỗ (24.3) ()	Cái	4.950.000,00	Có BHYT
NEKV480	Nẹp khóa đầu dưới xương quay ELEGANTUS, titan, 4 lỗ trái	Cái	5.665.000,00	Có BHYT
NEKV481	Nẹp khóa đầu dưới xương quay ELEGANTUS, titan, 4 lỗ phải	Cái	5.665.000,00	Có BHYT
NEKV482	Nẹp khóa xương đòn, titan, 8 lỗ phải (24.5) ()	Cái	6.655.000,00	Có BHYT
NEKV483	Nẹp khóa bàn ngón thẳng titan dùng vít 2.0mm, 5 lỗ (24.2) ()	Cái	3.410.000,00	Có BHYT
NEKV484	Nẹp khóa xương đòn, titan, 7 lỗ trái (24.5) ()	Cái	6.655.000,00	Có BHYT
NEKV485	Nẹp khóa xương đòn, titan, 7 lỗ phải (24.5) ()	Cái	6.655.000,00	Có BHYT
NEKV486	Nẹp khóa bàn ngón thẳng titan dùng vít 2.0mm, 4 lỗ (24.2) ()	Cái	3.410.000,00	Có BHYT
NEKV487	Nẹp khóa xương đòn, titan, 8 lỗ trái (24.5) ()	Cái	6.655.000,00	Có BHYT
NEKV488	Nẹp khóa đầu dưới xương quay ELEGANTUS, titan, 5 lỗ trái	Cái	5.665.000,00	Có BHYT
NEKV489	Nẹp khóa đầu dưới xương quay ELEGANTUS, titan, 6 lỗ trái	Cái	5.665.000,00	Có BHYT
NEKV490	Nẹp khóa bản rộng các cỡ, chất liệu Titanium, 10 lỗ (24.7) ()	Cái	5.500.000,00	Có BHYT
NEKV491	Nẹp khóa đầu trên xương chày trong, titan, 5 lỗ phải (24.5) ()	Cái	8.965.000,00	Có BHYT
NEKV492	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, titan, 7 lỗ (24.5) ()	Cái	8.855.000,00	Có BHYT
NEKV493	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, titan, 5 lỗ trái (24.5) ()	Cái	8.965.000,00	Có BHYT
NEKV494	Nẹp khóa bản rộng, titan, 10 lỗ (24.5) ()	Cái	8.085.000,00	Có BHYT
NEKV495	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ, 10 lỗ ()	Cái	4.235.000,00	Dịch vụ
NEKV496	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ, 7 lỗ (dv) ()	Cái	6.930.000,00	Dịch vụ
NEKV497	Nẹp khóa xương đòn, titan, 9 lỗ phải (24.5) ()	Cái	6.655.000,00	Có BHYT
NEKV498	Nẹp khóa xương đòn, titan, 6 lỗ phải (24.5) ()	Cái	6.655.000,00	Có BHYT
NEKV499	Nẹp khóa bản rộng, titan, 12 lỗ (24.5) ()	Cái	8.085.000,00	Có BHYT
NEKV500	Nẹp khóa đầu dưới xương chày ngoài, titan, 5 lỗ trái (24.5) ()	Cái	10.890.000,00	Có BHYT
NEMT15	Nexium Mups (24) Esomeprazol (40mg)	Viên	22.456,00	Có BHYT
NEMT16	Nexium Mups (20mg) Esomeprazol (20mg)	viên	24.028,00	Dịch vụ
NEMT8	NEXIUM MUPS Esomeprazol (40mg)	Viên	26.430,00	Dịch vụ
NEMV49	Nẹp mini thẳng, titan, 4 lỗ (24.5) ()	Cái	3.294.500,00	Có BHYT
NEMV50	Nẹp mini thẳng, titan, 5 lỗ (24.5) ()	Cái	3.294.500,00	Có BHYT
NEMV51	Nẹp mini chữ T, titan, 4 lỗ (24.5) ()	Cái	3.300.000,00	Có BHYT
NEMV52	Nẹp mini chữ T, titan, 3 lỗ (24.5) ()	Cái	3.300.000,00	Có BHYT
NEOT18	Neoamiyu Acid amin ()	Túi	122.071,00	Dịch vụ
NERT	Nerusyn 1,5g (24) Ampicilin+sulbactam (1000mg + 500mg)	Lọ	40.000,00	Có BHYT
NEUT13	Neurixal (24) magnesi lactat+Vitamin B6 (470mg + 5mg)	Viên	1.848,00	Có BHYT
NEUT5	Neurontin Gabapentin (300mg)	Viên	12.108,00	Dịch vụ
NEXT5	NEXIUM (LO) Esomeprazol (40mg)	Lọ	161.238,00	Dịch vụ
NEXT9	Nexium (23) Esomeprazol (40mg)	Lọ	153.560,00	Có BHYT
NGTT5	Nguru tất (24) Nguru tất (0)	g	357,00	Có BHYT
NHKV10	Nhiệt kế điện tử POLYGREEN ()	Cái	58.716,00	Dịch vụ
NHKV11	Nhiệt kế điện tử OMRON MC-246 ()	Cái	115.200,00	Dịch vụ
NHKV5	Nhiệt kế thủy ngân ()	Cái	29.760,00	Dịch vụ
NHKV8	Nhiệt kế điện tử SAKURA, hộp 1 cái ()	Cái	44.940,00	Dịch vụ
NHVVH	Nhộng Vivadent ()	Cái	49.140,00	Dịch vụ
NIAT9	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml (24) Nicardipin (10mg/10ml)	Ống	124.999,00	Có BHYT
NIGT	NITROMINT 10G Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin) (10g)	Lọ	157.500,00	Dịch vụ
NIGT1	Niglyvid 10mg/10ml Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Ống	85.814,00	Dịch vụ
NIKT2	Nikoramyl 5 (22) Nicorandil (5mg)	Viên	2.950,00	Có BHYT
NIKT5	Nikoramyl 5 (24) Nicorandil (5mg)	Viên	2.940,00	Có BHYT
NKCH	NK- Coagulase Test ()	Lọ	36.036,00	Dịch vụ

NOCT1	Nociceptol 60ml (60ml)	Tuýp	187.950,00	Dịch vụ
NOOV3	Nong ống tùy Ø8 (6 cái/vì) Mani (K-File) ()	Cái	19.950,00	Dịch vụ
NOOV4	Nong ống tùy các số 10->40(6 cái/vì) Mani (K-File) ()	Cái	17.850,00	Dịch vụ
NORT12	NORMAGUT (24) Saccharomyces boulardii (2,5x10 ⁹ tế	Viên	6.500,00	Có BHYT
NO-T1	NO-SPA Drotaverin (40mg/2ml)	Ống	5.678,00	Dịch vụ
NO-T2	No-Spa 40mg/2ml (24) Drotaverin clohydrat (40mg/2 ml)	Ống	5.306,00	Có BHYT
NOVT15	NOVOFINE 31Gx6MM ()	Cái	0,00	Dịch vụ
NOVT17	NovoMix 30 FlexPen đvị UI (23) Insulin người trộn, hỗn hợp	UI	668,36	Có BHYT
NUBV	Nút bịt tai chống ồn 3M ()	Đôi	5.400,00	Dịch vụ
NUCH2	Nước cất 2 lần ()	Lit	22.050,00	Dịch vụ
NUCT15	NƯỚC CẮT ống NHỰA Nước cất pha tiêm (10ml)	Ống	2.079,00	Dịch vụ
NUCT16	Nước cất ống nhựa Nước cất pha tiêm (5ml)	Ống	1.386,00	Dịch vụ
NUCT17	Nước cất tiêm (24) Nước cất pha tiêm (10ml)	Ống	685,00	Có BHYT
NUCV4	Nút chặn đầu kim luồn không có cổng bơm (tiêm thuốc), màu trắng USTOPPER (24.5) ()	Cái	750,00	Có BHYT
NUGH1	Nước Giaven ()	lít	11.880,00	Dịch vụ
NUOH	Nước Oxy già 3% ()	Lọ	2.400,00	Dịch vụ
NUPT5	Nupigin (24) Piracetam (1200mg/ 10ml)	Ống	7.500,00	Có BHYT
OCET4	Ocetebu (24) Bambuterol (10mg)	Viên	4.000,00	Có BHYT
OCET5	Ocebiso (24) Sulfamethoxazol+Trimethoprim (400mg + 80mg)	Viên	1.500,00	Có BHYT
OCKV10	Ốc khóa trong dùng cho vít mô ít xâm lấn 5.0 x10mm (24.3) ()	Cái	1.320.000,00	Có BHYT
OCKV12	Ốc khóa trong dùng cho vít cột sống đường kính 5x10.5mm	Cái	550.000,00	Có BHYT
OCTT1	Octreotide (24) Octreotid (0,1mg)	Ống	92.379,00	Có BHYT
OMNT1	OMNIPAQUE Iohexol 300mg Iod/ml (300mg/50ml)	Lọ	252.815,00	Dịch vụ
OMNT9	Omnipaque (24) Iohexol (647mg/ml, 50ml)	Chai	240.776,00	Có BHYT
ONBT2	ONDANSETRON- BFS Ondansetron (8 mg/4 ml)	Ống	15.729,00	Dịch vụ
ONDV11	ống đặt nội khí quản ()	Cái	17.856,00	Dịch vụ
ONEV	Ống effendos(cấp có quai) ()	Cái	441,00	Dịch vụ
ONEV1	Ống eppendorff (1,5ml) (1000 cái/ túi) ()	Túi	384.000,00	Dịch vụ
ONHV7	Ống hút phẫu thuật ()	Cái	144.900,00	Dịch vụ
ONHV8	Ống hút nước bọt (100 cái/túi) ()	Túi	113.400,00	Dịch vụ
ONHV9	Ống hút dịch đầu tròn ()	Cái	34.020,00	Dịch vụ
ONLV10	Ống ly tâm 15ml, nắp xoắn màu cam, đáy nhọn, có chia vạch, bằng nhựa, tiệt trùng ()	Chiếc	3.720,00	Dịch vụ
ONLV7	Ống ly tâm eppendort dung tích 0.5ml ()	Cái	252,00	Dịch vụ
ONMH	Ống máu lắng Citrate tube ESR 3000, 10 túi x 100 ống/ túi ()	ống	8.640,00	Dịch vụ
ONNV20	Ống nghiệm nhựa nắp đỏ ()	Cái	594,00	Dịch vụ
ONNV28	Ống nội khí quản kèm ống hút số 8.0 Shiley ()	Cái	618.000,00	Dịch vụ
ONNV30	ống nghiệm thủy tinh 12mm x 80mm ()	Cái	456,00	Dịch vụ
ONNV31	Ống nội khí quản lò xo có bóng cỡ 6,5. 7,0.7,5 ()	Cái	850.500,00	Dịch vụ
ONSV2	ống Sample cup 3ml ()	Cái	1.080,00	Dịch vụ
ONSV3	Ống soi mềm ()	Chiếc	17.600.000,00	Dịch vụ
ONTV21	ống thông pezzier (malecot) số 16,18 ()	Cái	25.200,00	Dịch vụ
ONTV22	ống thông đường mật chữ T (Sonde chữ T) số 14 ()	Cái	25.200,00	Dịch vụ
ONTV23	ống thông khí tai Donaldson đường kính 1.14mm Silicone ()	Cái	612.000,00	Dịch vụ
ONTV24	Ống thông tiểu 2 nhánh có bóng số 12- 28, 30cc DoverTM silicone coated latex, foley catheter, 30ml, 2- way, Rubber Valve, 1's (covidien) ()	Cái	43.218,00	Dịch vụ
ONTV27	Ống thông tiểu 2 nhánh nhi có bóng số 10, 3cc DoverTM Paediatric Silicone Coated (Covidien) ()	Cái	71.820,00	Dịch vụ
ONTV28	Ống thông niệu quản dùng cho tán sỏi qua da (DV) ()	Cái	495.000,00	Dịch vụ
ONTV29	Ống thông niệu quản chữ J (Sonde JJ 6Fr, 7Fr) (BTC) ()	Chiếc	198.000,00	Dịch vụ

ONTV30	Ống thông JJ (phủ hydrophilic) (24.7) ()	Cái	350.000,00	Có BHYT
ONXV1	Ống xét nghiệm đáy tròn kích thước 16*100 PS ()	Cái	1.008,00	Dịch vụ
OPFV4	Optiskin film 53mm*80mm (Hộp 50 miếng) ()	Miếng	9.828,00	Dịch vụ
OPFV5	Optiskin film 73mm*80mm ()	Cái	8.988,00	Dịch vụ
OPIT	Opiphine Morphin (10mg/ml)	Ống	29.960,00	Dịch vụ
ORMT	Ormagat (24) Glucosamin (500mg)	Viên	2.200,00	Có BHYT
ORNT4	Oresol new (24) glucose khan+Kali clorid+natri citrat +Natri clorid (Mỗi gói 4,22g chứa: 2,7g + 0,52g + 0,3g + 0,509g)	Gói	1.050,00	Có BHYT
OSPT1	OSTENIL PLUS Acid hyaluronic (40mg/2.0ml)	Bơm	4.230.255,00	Dịch vụ
OSTT6	OSTENIL Acid hyaluronic (20mg/2.0ml)	Bơm	1.013.739,00	Dịch vụ
OXDT18	Oxy được dùng (1 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
OXDT19	Oxy được dùng (2 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
OXDT20	Oxy được dùng (3 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
OXDT21	Oxy được dùng (4 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
OXDT22	Oxy được dùng (5 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
OXDT23	Oxy được dùng (6 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
OXDT24	Oxy được dùng (7 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
OXDT25	Oxy được dùng (8 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
OXDT26	Oxy được dùng (9 lít/phút) Oxy được dùng ()	giờ	2.000,00	Có BHYT
PAET5	PANALGAN® Effer 500 (24) Paracetamol (500mg)	Viên	905,00	Có BHYT
PAPT14	Papaverin 2% (DV) (40mg/ 2ml)	Ống	3.119,00	Dịch vụ
PAPT15	Panalgan Plus (24) Paracetamol+Tramadol (325mg + 37,5mg)	Viên	2.000,00	Có BHYT
PART16	Para-OPC 150mg (23) Paracetamol (150mg)	Gói	798,00	Có BHYT
PART17	Parazacol 750 (24) Paracetamol (10mg/ml)	Lọ	29.500,00	Có BHYT
PASH	Papanicolaou's solution 2a Orange G solution (OG 6)	chai	1.082.400,00	Dịch vụ
PASH1	Papanicolaou's solution 3b polychromatic solution EA 50 109272.0500 ()	chai	1.042.800,00	Dịch vụ
PATT12	Partamol Tab. (24) Paracetamol (500mg)	Viên	480,00	Có BHYT
PDST	Pdsolone-40mg (24) Methyl prednisolon (40mg)	Lọ	25.000,00	Có BHYT
PETT2	Pethidine-hameln 50mg/ml Pethidin hydroclorid (100mg/2ml)	Ống	19.260,00	Dịch vụ
PHET6	PHENYLALPHA 50mcg/mL Phenylephrin (500mcg/10 mL)	Ống	140.018,00	Dịch vụ
PHET8	Phenylalpha 50 micrograms/ml (24) Phenylephrin (50mcg/ml)	Ống	121.275,00	Có BHYT
PHIT7	Pharmox IMP 500 mg (24) Amoxicilin (500mg)	Viên	2.350,00	Có BHYT
PHKV1	Phim khô lazer DI-HL 20*25(Fujji 8*10) 150 t/5h/T ()	Tờ	13.200,00	Dịch vụ
PHKV4	Phim khô lazer DI-HL 35*43(Fujji 14*17)100t/5h/T ()	Tờ	38.367,00	Dịch vụ
PHLT	Phlebodia (24) Diosmin (600mg)	Viên	6.816,00	Có BHYT
PHPT1	Phòng phong (24) Phòng phong (0)	g	1.501,50	Có BHYT
PHTT	Phong tê thấp HD new (24) Mã tiền, Quế chi, Đương Quy, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Thương truật, Thỏ phục linh (70mg+ 40mg+ 70mg+ 70mg+ 60mg+ 80mg+ 80mg+ 100mg)	Viên	1.400,00	Có BHYT
PICT3	Picaroxin 500mg (22) (kháng sinh) Ciprofloxacin (500mg)	Viên	2.800,00	Có BHYT
PIOT1	Piroxicam ODT DWP 20mg (24) Piroxicam (20mg)	Viên	2.499,00	Có BHYT
PIPT4	PILIXITAM Piracetam (4g/20ml)	Ống	48.985,00	Dịch vụ
PLAT3	Plavix 75mg (23) clopidogrel (Clopidogrel base (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphate 97,875mg) 75 mg.)	Viên	16.819,00	Có BHYT
PMRT	PM Remem (24) Ginkgo biloba (120mg)	Viên	8.000,00	Có BHYT
POCT2	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml (24) Kali clorid	Ống	5.500,00	Có BHYT
POLT11	Polfurid (23) Furosemid (40mg)	Viên	2.900,00	Có BHYT
POLT19	Polygynax (24) Neomycin+Nystatin+polymyxin B (35.000IU+ 35.000IU+ 100.000 IU)	Viên	9.500,00	Có BHYT
POLT20	Poltraxon (24) Ceftriaxon (1g)	Lọ	9.119,00	Có BHYT

POLT21	Poltraxon (25) Ceftriaxon (1g)	Lọ	9.120,00	Có BHYT
POMT9	Polhumin Mix-2 (24) Insulin người trộn, hỗn hợp (300IU (Insulin người sinh tổng hợp tinh khiết, gồm 2 phần Insulin hoà tan và 8 phần Insulin isophan))	IU	503,34	Có BHYT
PRAT10	Pracetam 800 (24) Piracetam (800mg)	Viên	1.225,00	Có BHYT
PRDT	Pravastatin DWP 5mg (24) Pravastatin (5mg)	Viên	1.134,00	Có BHYT
PRET17	Pregabakern 50mg (24) Pregabalin (50mg)	Viên	11.000,00	Có BHYT
PRET7	PROGYNOVA Estradiol valerate (2mg)	Viên	3.602,00	Dịch vụ
PRIT18	Progesterone injection BP 25mg (24) Progesteron (25mg)	Ống	20.150,00	Có BHYT
PRO035	Progesterone Inj (DV) Progesteron (25mg/ml)	Ống	21.560,00	Dịch vụ
PROT20	Propofol-Lipuro 1% 200mg/20ml Propofol (10mg/ml)	Ống	105.930,00	Dịch vụ
PROT51	PROSPAN (85ML)	Chai	72.690,00	Dịch vụ
PROT78	Proges 200 (24) Progesteron (200mg)	Viên	12.600,00	Có BHYT
PROT79	Procoralan 5mg (24) Ivabradin (5mg)	Viên	10.268,00	Có BHYT
PROT80	Procoralan 7.5mg (25) Ivabradin (7,5mg)	Viên	10.546,00	Có BHYT
PRSH	Prontosan solution round bot."AP" 350 ML ()	chai	438.000,00	Dịch vụ
PRST5	Pravastatin SaVi 10 (24) Pravastatin (10mg)	Viên	4.190,00	Có BHYT
PRTV1	Protaper tay Dentsply (6 cái/bộ) ()	Cái	466.200,00	Dịch vụ
PRVT	Propess vag Dinoproston (10mg)	Túi	981.225,00	Dịch vụ
PYDT1	Pyme Diapro MR (24) Gliclazid (30mg)	Viên	275,00	Có BHYT
PYFT	Pyme FUCAN (24) Fluconazol (150mg)	Viên	9.000,00	Có BHYT
PYTT	Pythinam cilastatin+Imipenem (Imipenem 500mg+ Cilastatin	Lọ	163.800,00	Dịch vụ
QUCT1	Quế chi (24) Quế chi (0)	g	44,10	Có BHYT
QUCV6	Que cấy vi sinh định lượng ()	Que	3.240,00	Dịch vụ
QUNT	Quế nhục (24) Quế nhục (0)	g	210,00	Có BHYT
QUTV10	Que thử đường huyết OT UP 25 cái/ Hộp (Dùng cho máy OT Ultra Plus Flex) ()	Cái	11.466,00	Dịch vụ
RACT5	RACEDAGIM 30 (24) Racecadotril (30mg)	Gói	1.030,00	Có BHYT
RACV2	Răng coban sứ ()	Cái	480.000,00	Dịch vụ
RATV	Răng thép ()	Cái	60.000,00	Dịch vụ
RATV1	Răng thép sứ ()	Cái	216.000,00	Dịch vụ
RATV2	Răng thép sứ titan ()	Cái	324.000,00	Dịch vụ
RATV3	răng titan sứ ()	Cái	324.000,00	Dịch vụ
RAZV	Răng Ziconia ()	Cái	960.000,00	Dịch vụ
RAZV1	Răng zolid ()	Cái	1.200.000,00	Dịch vụ
RFLH2	RF Latex(4*24ml+4*8ml) BMC/Nhật Bản 61105(4bộ/hộp)	Bộ	5.694.255,00	Dịch vụ
RILT8	RINGER LACTAT Ringer lactat (500 ml)	Chai	8.528,00	Dịch vụ
ROCT14	Rocuronium-BFS (24) Rocuronium bromid (50mg)	Ống	41.000,00	Có BHYT
ROCT15	Rocalcic 50 (24) Calcitonin (50IU/ml)	Ống	55.000,00	Có BHYT
ROCT16	Rocephin 1g I.V (24) Ceftriaxon (1g)	Lọ	140.416,00	Có BHYT
RODT5	Rodogyl (24) Metronidazol+Spiramycin (750000IU + 125mg)	Viên	6.800,00	Có BHYT
ROLV5	Rọ lấy sỏi 2.2 Fr ()	Chiếc	3.158.100,00	Dịch vụ
ROSH	Rockle Septodont(R4-13ml) ()	Lọ	1.449.000,00	Dịch vụ
ROST2	Roswera 5mg film-coated tablets (24) Rosuvastatin (5mg)	Viên	4.800,00	Có BHYT
RXPH	RX Periodontal flush Ag silver 3ml ()	Tube	81.900,00	Dịch vụ
SACT1	Sarariz Cap. (24) Flunarizin (5mg)	Viên	945,00	Có BHYT
SACV5	Sample cup 0.5ML (1000 c/túi) ()	Túi	2.345.772,00	Dịch vụ
SACV6	Sample cup 2.0ML (1000c/ túi) ()	Túi	2.036.760,00	Dịch vụ
SACV7	Sáp cầm máu tiết trùng dùng cho xương Bonni Wax W31C	Miếng	45.600,00	Dịch vụ
SACV8	Sáp cầm máu xương BONEWAX 2.5 gram (24.8) ()	Miếng	34.821,00	Có BHYT
SADT1	Sadapron 100 (24) Allopurinol (100mg)	Viên	1.750,00	Có BHYT
SAFH	Safranine (500ml)	chai	633.600,00	Dịch vụ

SAMT9	Sáng mắt (24) Bột đương qui Hỗn hợp cao dược liệu: Trạch tả Thục địa Thảo quyết minh Hoài Sơn Hạ khô thảo Hà thủ ô Cúc hoa (125mg + 160mg + 160mg + 40mg + 40mg + 50mg +	Viên	650,00	Có BHYT
SANT23	Sanlein 0,1 (23) Natri hyaluronat (1mg/ml)	Lọ	62.158,00	Có BHYT
SANT24	Sanlein 0,1 (24) Natri hyaluronat (5mg/5ml)	Lọ	62.158,00	Có BHYT
SAPH	Sáp paraffin hạt tinh khiết, EEPAR56, 2kg/túi ()	gói	1.020.000,00	Dịch vụ
SAPT2	SaViPamol Plus (23) Paracetamol+Tramadol (325mg +	viên	2.310,00	Có BHYT
SASH1	Sanosil S010 ()	Can	2.135.952,00	Dịch vụ
SATT3	SaVi Tenofovir 300 (24) Tenofovir (300mg)	Viên	2.390,00	Có BHYT
SAVT5	SaViAlben 400 (24) Albendazol (400mg)	Viên	3.138,00	Có BHYT
SCAT6	Scanneuron (24) Vitamin B1+Vitamin B12+Vitamin B6 (100mg + 200mg + 200mcg)	Viên	1.100,00	Có BHYT
SCMT6	Scilin M30 (30/70) (24) Insulin người trộn, hỗn hợp ((700IU + 300IU)/10ml)	IU	62,00	Có BHYT
SCOT1	SCOFI (23) Dexamethason+Neomycin+polymyxin B ((35.000IU; 60.000IU; 10mg)/ 10ml)	Lọ	37.000,00	Có BHYT
SEAT17	Seretide Accuhaler 50/250mcg (23) fluticason propionat+Salmeterol (50mcg; 250mcg)	Hộp (1 b	199.888,00	Có BHYT
SEAT18	Septanest adrénalinée Epinephrin+Lidocain hydroclodrid	Ống	20.077,00	Dịch vụ
SEDT15	Seduxen 5 mg (24) Diazepam (5mg)	Viên	1.260,00	Có BHYT
SEET14	Seretide Evohaler DC 25/125mcg (23) fluticason propionat+Salmeterol (25mcg; 125mcg)	Bình xịt	210.176,00	Có BHYT
SEET15	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg (23) fluticason propionat+Salmeterol (25mcg+250mcg)	Bình xịt	278.090,00	Có BHYT
SEET16	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg (24) fluticason propionat+Salmeterol (25mcg + 250mcg)	Bình xịt	278.090,00	Có BHYT
SEET17	Seretide Evohaler DC 25/125mcg (24) fluticason propionat+Salmeterol (25mcg + 125mcg)	Bình xịt	210.176,00	Có BHYT
SETT2	Setbozi (23) Desloratadin (2,5mg /5ml)	Ống	1.590,00	Có BHYT
SEVT10	Sevoflurane (24) Sevofluran (100% (tt/tt); 250ml)	Chai	1.552.000,00	Có BHYT
SIM001	SIMETHICON STELLA simethicon (1g/15ml)	Chai	22.470,00	Dịch vụ
SINT14	Singulair Natri montelukast (10mg)	Viên	14.447,00	Dịch vụ
SINT22	Singulair 4mg (25) Natri montelukast (4mg)	Viên	13.502,00	Có BHYT
SMAT3	SMC AG+ (250ml)	Chai	103.790,00	Dịch vụ
SMET6	Smecta Diosmectit (3g)	Gói	4.129,00	Dịch vụ
SMET8	Smecta (24) Diosmectit (3,00g)	Gói	3.753,00	Có BHYT
SMNT	SMOFLIPID (20 %/ 100ML) Nhũ dịch lipid (20 %/ 100ml)	Chai	123.900,00	Dịch vụ
SOCT8	Sodium Chloride 0,9%- 500ml (24) Natri clorid (0,9%, 500ml)	Túi	19.500,00	Có BHYT
SOFV1	Ống thông tiểu Foley 2 nhánh ()	Cái	17.640,00	Dịch vụ
SOFV3	Sonde Foley 3 nòng Suzhou Yudu Medical Trung Quốc các số(số 20) ()	Cái	31.500,00	Dịch vụ
SOFV4	Sonde Folley 3 nòng các số (covident) ()	Cái	73.200,00	Dịch vụ
SOLT14	Solezol (25) Esomeprazol (40mg)	Lọ	26.888,00	Có BHYT
SOLT8	Solezol Esomeprazol (40mg)	Lọ	28.770,00	Dịch vụ
SOPV5	Sonde Pezzer số 26 ()	Cái	21.600,00	Dịch vụ
SORT6	Sorbitol 5g (23) Sorbitol (5g)	Gói	450,00	Có BHYT
SOST	SORBITOL (3%-5 LÍT) Sorbitol (3%-5 lít)	Can	152.250,00	Dịch vụ
SOTT3	Sơn thù (24) Sơn thù ()	g	520,00	Có BHYT
SPFT1	Spinolac fort (24) Furosemid+spironolacton (40mg + 50mg)	viên	2.300,00	Có BHYT
SPQV1	Speedy Quick Release holder ()	Cái	10.534,00	Dịch vụ
SPRT5	Spiriva Respimat (25) Tiotropium (0,0025mg/nhát xịt)	Hộp	800.100,00	Có BHYT
SPTT	Spironolacton Tab DWP 50mg (24) spironolacton (50mg)	Viên	1.533,00	Có BHYT

STAT20	STADNEX 40 CAP Esomeprazol (40mg)	Viên	8.025,00	Dịch vụ
STAT25	Stadnex 20 CAP (24) Esomeprazol (20mg)	Viên	2.600,00	Có BHYT
STIT4	Stiprol (24) Glycerol (6,75g)	Tuýp	6.930,00	Có BHYT
STTV8	STOMACH TUBE FR: 12,14,16,18/ Argyle™ Stomach Tube FR12; 14;16;18 (Sonde dạ dày số 16,18,20) Kendall-Gammatron Co., Ltd.,Thái Lan ()	Cái	26.359,00	Dịch vụ
SUBT3	Sulfadiazin bạc (23) Sulfadiazin bạc (1% 20g)	Tuýp	18.900,00	Có BHYT
SUBT4	Sulfadiazin bạc (24) Bạc sulfadiazin (1%, 20g)	Tuýp	18.900,00	Có BHYT
SUCT5	Suxamethonium chlorid VUAB 100mg Suxamethonium clorid	Lọ	57.780,00	Dịch vụ
SULT2	Sulpirid DWP 100mg Sulpirid (100mg)	Viên	507,00	Dịch vụ
SYCH2	System Calibrator (1*5ml) BMC/Mỹ 66300 ()	Lọ	535.500,00	Dịch vụ
SYST5	SYSEYE (23) Hydroxypropylmethylcellulose (30mg/10ml - Lọ	Lọ	30.000,00	Có BHYT
SYST6	SYSEYE (24) Hydroxypropylmethylcellulose (30mg/10ml - Lọ	Lọ	30.000,00	Có BHYT
SYTT10	Symbicort Turbuhaler (24) Budesonid+Formoterol fumarat (Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg+ Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg)	Ống	219.000,00	Có BHYT
SYTT9	Symbicort Turbuhaler (23) Budesonid+Formoterol fumarat (Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg+ Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg.)	Ống	219.000,00	Có BHYT
SYUT1	Systane Ultra (24) Polyethylen glycol +propylen glycol (0,4%	Lọ	60.100,00	Có BHYT
TABT5	Tardyferon B9 (24) Acid folic +Sắt sulfat (50mg sắt + 0,35mg	Viên	2.849,00	Có BHYT
TADV2	Tay dao mổ điện ()	Cái	54.000,00	Dịch vụ
TADV3	Tâm điện cực ()	Cái	204.000,00	Dịch vụ
TAGT2	Tần giao (25) Tần giao ()	g	997,50	Có BHYT
TAKT2	Takizd (23) Furosemid (20mg/2ml)	Ống	650,00	Có BHYT
TAKT3	Tang ký sinh (24) Tang ký sinh ()	g	157,50	Có BHYT
TALV3	SPMS Tấm lưới phẫu thuật tổng hợp không tiêu vô trùng Prolene Soft Mesh 6.4cm*11.4cm(hộp/6 miếng) ()	Miếng	1.045.800,00	Dịch vụ
TAMT1	Tamiflu Oseltamivir (75mg)	Viên	48.018,00	Dịch vụ
TAMT9	Tamiflu (24) Oseltamivir (75mg)	Viên	44.877,00	Có BHYT
TAN001	Tanganil Acetyl leucin (500mg/5ml)	Ống	16.692,00	Dịch vụ
TANT20	Tanganil 500 mg (23) Acetyl leucin (500mg)	Viên	4.612,00	Có BHYT
TANT21	Vị thuốc cổ truyền Táo nhân sao đen (24) Táo nhân (0)	g	745,50	Có BHYT
TANT22	Tanganil 500mg (24) Acetyl leucin (500mg)	Viên	4.612,00	Có BHYT
TATV7	Tấm trải 1m x1.3m, VT (1 cái/gói) ()	Cái	8.184,00	Dịch vụ
TAZT1	Tazopelin Piperacilin+tazobactam (4,5g)	Lọ	60.669,00	Dịch vụ
TELT4	Telmisartan 80mg and Amlodipine 5mg tablets (24) Amlodipin+telmisartan (80mg + 5mg)	Viên	12.500,00	Có BHYT
TENT10	Tenofovir 300 (24) Tenofovir (300mg)	Viên	1.395,00	Có BHYT
TEOT	Telmisartan OD DWP 40 (24) telmisartan (40mg)	Viên	1.260,00	Có BHYT
TERT9	Terpincold (24) Codein+terpin hydrat (15mg +100mg)	viên	684,00	Có BHYT
TETH9	TETRACYCLINE 30µG ()	Hộp	475.020,00	Dịch vụ
TETT8	TETRACYLIN (500MG) Tetracyclin hydroclorid (500mg)	Viên	748,00	Dịch vụ
THBV	Thun buộc mắc cài 45 độ màu trong ()	Cái	11.340,00	Dịch vụ
THCH4	Thạch cao Planet ()	gói	50.400,00	Dịch vụ
THCV4	Thun chuỗi màu trong khít ()	Cuộn	856.800,00	Dịch vụ
THCV5	Thun chỉnh nha 3M UNTEK ()	Gói	35.049,00	Dịch vụ
THDT3	Thục địa (24) Thục địa (0)	g	441,00	Có BHYT
THDV3	Thước đo nội nha Dentsply ()	Cái	756.000,00	Dịch vụ
THDV5	Thông dẫn lưu lồng ngực số 24 ()	Bộ	277.200,00	Dịch vụ
THDV6	Thanh dọc S4, 500mm x 5,5 mm (24.7) ()	Cái	1.650.000,00	Có BHYT
THFT5	Thyperopa forte (23) Methyldopa (500mg)	Viên	1.785,00	Có BHYT

THFT6	Thyperopa forte (24) Methyldopa (500mg)	Viên	1.785,00	Có BHYT
THHT2	Thuốc ho bách bộ (24) Bách bộ (60g)	Chai	26.500,00	Có BHYT
THLV13	Thùng lọng cắt polyp, hình oval, đường kính 20mm, dài 2300mm Model: VDK - SD-23-230-20-A1 ()	Cái	342.000,00	Dịch vụ
THLV17	Thùng lọng cắt polyp ()	Cái	660.000,00	Dịch vụ
THLV19	Thùng lọng cắt polyp ()	Cái	1.680.000,00	Dịch vụ
THLV21	Tháo lắp dẻo 4 răng nhựa, nền toàn bộ ()	Hàm	1.236.000,00	Dịch vụ
THLV22	Tháo lắp dẻo 3 răng nhựa, bán nền ()	Hàm	852.000,00	Dịch vụ
THLV23	Tháo lắp dẻo 2 răng nhựa, bán nền ()	Hàm	336.000,00	Dịch vụ
THLV24	Tháo lắp dẻo 6 răng composit, nền toàn bộ ()	Hàm	1.524.000,00	Dịch vụ
THLV25	Tháo lắp dẻo 2 răng composit, bán nền ()	Hàm	552.000,00	Dịch vụ
THLV26	Tháo lắp dẻo trên 4 răng composit, bán nền ()	Hàm	996.000,00	Dịch vụ
THPT5	Thỏ phục linh (24) Thỏ phục linh (0)	g	110,00	Có BHYT
THTT10	Thương truật sao vàng (24) Thương truật (0)	g	907,20	Có BHYT
THYT7	Thyrozol 5mg (24) Thiamazol (5mg)	Viên	1.400,00	Có BHYT
TIOT5	Tioga (24) Cao đặc Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử ,Kim ngân hoa ,Hạ khô thảo (162 mg)	Viên	1.000,00	Có BHYT
TOBT11	Tobradex (24) Dexamethason+Tobramycin ((3mg + 1mg)/1ml)	Lọ	47.300,00	Có BHYT
TOBT12	Tobradex (24) Dexamethason+Tobramycin ((3mg +	Tuýp	52.300,00	Có BHYT
TONT2	Tonios-0,5 (24) Entecavir (0,5 mg)	Viên	12.600,00	Có BHYT
TRAT11	TRANFAST Macrogol (73.590g)	Gói	31.565,00	Dịch vụ
TRAT26	Troysar AM (24) Amlodipin+losartan (5mg + 50mg)	Viên	5.100,00	Có BHYT
TRBT6	Trần bì (24) Trần bì (0)	g	91,35	Có BHYT
TRGV4	Trâm gai Mani (Nhật) ()	Cái	12.600,00	Dịch vụ
TRIT42	Tridabu (24) Bismuth (120mg)	Viên	3.780,00	Có BHYT
TRIT43	Trichopol (24) Metronidazol (500mg/100ml)	Túi	16.800,00	Có BHYT
TRIT44	Trinitrina (24) Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin) (5mg/1,5ml)	Ống	47.080,00	Có BHYT
TRNV5	Troca nhựa Clear Trac (DV) ()	Cái	1.650.000,00	Dịch vụ
TROT14	Trosicam 15mg (24) Meloxicam (15mg)	Viên	7.800,00	Có BHYT
TROT8	Troypofol Propofol (1%, 200mg/20ml)	Lọ	48.150,00	Dịch vụ
TRPV6	Trang phục phòng dịch ()	Bộ	182.700,00	Dịch vụ
TRPV8	Trang phục phòng dịch cấp độ 4 ()	Bộ	138.000,00	Dịch vụ
TRTT4	TRANSAMIN 500mg (VIÊN) Tranexamic acid (500mg)	Viên	4.290,00	Dịch vụ
TUCV5	Túi camera VT M6 (1 Cái/gói) ()	Cái	7.440,00	Dịch vụ
TUCV8	Túi chứa dịch thải cỡ 1000 ml ()	Cái	1.548.000,00	Dịch vụ
TUCV9	Túi chứa dịch 250ml (250ml)	Cái	1.620.000,00	Dịch vụ
TUDH	Túi đựng điện cực thấm nước 50x70mm ()	Cái	32.400,00	Dịch vụ
TUDT3	Tục đoạn (24) Tục đoạn (0)	g	266,91	Có BHYT
TUDV7	Túi đựng nước tiểu ()	Cái	6.600,00	Dịch vụ
TUDV8	Túi đựng thức ăn sử dụng theo máy EPUMP KANG EPUMP 1000ml PUMP ST- INTL (1000ml)	Cái	151.200,00	Dịch vụ
TUHT1	Tuần hoàn não Thái Dương (23) Đinh lăng + Bạch quả (Đinh lăng 1,32g; Lá bạch quả 0,33g; Cao đậu tương lên men 0,083g)	Viên	2.916,00	Có BHYT
TUHT4	Tuần hoàn não Thái Dương (24) Đinh lăng, Bạch quả, Cao Đậu tương lên men (Cao khô rễ đinh lăng (tương đương đinh lăng 1,32g) 0,2g+ Cao khô lá bạch quả (tương đương lá bạch quả 0,33g) 0,033g+ Cao đậu tương lên men 0,083g)	Viên	2.916,00	Có BHYT
TUHV19	Túi hậu môn nhân tạo Proxima 1 mảnh, loại xả ()	Cái	63.000,00	Dịch vụ
TV.T	TV.Amlodipin 5 (24) Amlodipin (5mg)	Viên	143,00	Có BHYT
ULCT5	Ulceron (24) Pantoprazol (40mg)	Lọ	68.040,00	Có BHYT
UNZT1	Unikids Zinc 70 (23) Kẽm gluconat (10mg)	gói	1.146,00	Có BHYT

UNZT2	Unikids Zinc 70 (DV) Kẽm gluconat (10mg)	Gói	2.079,00	Dịch vụ
URGV1	UrgoTul 10cm*10cm(10 miếng/hộp) ()	Miếng	60.000,00	Dịch vụ
URGV2	Urgosterile 50x70mm ()	Miếng	5.351,00	Dịch vụ
URST3	URSOLIV 250 (24) Ursodeoxycholic acid (250mg)	Viên	8.500,00	Có BHYT
URTT3	Ursomaxe Tablet (24) Ursodeoxycholic acid (200mg)	Viên	8.200,00	Có BHYT
USFT3	Usamagsium Fort (23) magnesi lactat+Vitamin B6 (10mg +	Viên	975,00	Có BHYT
VAGT8	Vagastat (24) sucralfat (Mỗi gói 15g chứa Sucralfat 1500mg)	Gói	4.200,00	Có BHYT
VALT17	Valgesic 10 (24) Hydrocortison (10mg)	Viên	4.999,00	Có BHYT
VALT18	Valygyno (24) Neomycin+Nystatin+polymyxin B (100.000UI + 35.000UI + 35.000UI)	Viên	3.612,00	Có BHYT
VALV10	Vật liệu cầm máu SURGICEL 10cm x 20cm (24.8) ()	Miếng	479.037,00	Dịch vụ
VALV5	Vật liệu trám răng- Ultracal XS ()	Tube	378.000,00	Dịch vụ
VAMT9	Vamipas L-Ornithin - L- aspartat (200mg)	Viên	3.300,00	Dịch vụ
VAOT1	Vastarel OD 80mg (24) Trimetazidin (80mg)	Viên	5.410,00	Có BHYT
VART	Varogel (24) Magnesi hydroxyd +nhôm hydroxyd+simethicon ((800,4mg + 0,4g + 0,08g/10ml)	Gói	3.150,00	Có BHYT
VAS002	Vastarel MR Trimetazidin (35mg)	Viên	2.976,00	Dịch vụ
VAST4	Vastanic 10 (22) Lovastatin (10mg)	Viên	1.197,00	Có BHYT
VASV5	Vasofix Safety FED các số 18G-22G(24.1) ()	Cái	18.700,00	Có BHYT
VATH	Vacquette Tube K3EDTA (454222)13*75 Lavender cap-white ring GBO/Áo ()	Cái	3.276,00	Dịch vụ
VATH1	vacuette tube 4ml LH Heparin 454029 ()	Cái	3.427,00	Dịch vụ
VECT	Vecmid Vancomycin (500mg)	Lọ	53.928,00	Dịch vụ
VEIT13	Ventolin Inhaler (24) Salbutamol (100mcg/liều xịt)	Bình xịt	76.379,00	Có BHYT
VEPT	Vein Plus (24) Diosmin+hesperidin (450mg + 50mg)	Viên	2.940,00	Có BHYT
VEXV5	VERTEX-Vít xóp đa trục MAS 3.5 X 20MM ()	Cái	5.500.000,00	Có BHYT
VIAT15	Vitamin A-D (23) Vitamin A+Vitamin D (2500IU; 200IU)	Viên	318,00	Có BHYT
VIAT18	Viacoram 7mg/5mg (24) Amlodipin+perindopril (7mg+ 5mg)	Viên	6.589,00	Có BHYT
VIAT19	Vitamin A-D (24) Vitamin A+Vitamin D (2500IU+ 200IU)	Viên	318,00	Có BHYT
VIBT18	VITAMIN B6 (DV) Vitamin B6 (100mg/1ml)	Ống	897,00	Dịch vụ
VIBT26	Vitamin B1 (DV) Vitamin B1 (25mg/1ml)	Ống	725,00	Dịch vụ
VIBT37	Vitamin B1-HD (24) Vitamin B1 (50mg)	Viên	598,00	Có BHYT
VIBT38	Vitamin B1 (24) Vitamin B1 (25mg/1ml)	Ống	630,00	Có BHYT
VIBT39	Vitamin B12 (24) Vitamin B12 (1000mcg/ml)	Ống	441,00	Có BHYT
VICT10	Viễn chí sao cảm (24) Viễn chí (0)	g	1.495,20	Có BHYT
VICT5	Vitamin C - OPC 100mg Hương cam (23) Vitamin C (100mg)	Viên	798,00	Có BHYT
VICT9	Vitamin C - OPC 100mg Hương cam (24) Vitamin C (100mg)	Viên	798,00	Có BHYT
VICV198	Vít cột sống lưng đa trục (vít nhỏ ít xâm lấn) 6.0x40mm (24.3)	Cái	7.480.000,00	Có BHYT
VICV202	Vít cột sống lưng đa trục đường kính 6.5mm dài 45mm (24.3)	Cái	5.170.000,00	Có BHYT
VICV203	Vít cột sống lưng đa trục (vít nhỏ ít xâm lấn) 6.0x45mm (24.3)	Cái	7.480.000,00	Có BHYT
VICV205	Vít chỉ neo đôi, tự tiêu TWINFIX ULTRA HA, các cỡ 4.5mm	Cái	6.149.000,00	Có BHYT
VICV207	Vít chỉ neo đôi, tự tiêu TWINFIX ULTRA HA, các cỡ, 5.5mm	Cái	6.149.000,00	Có BHYT
VICV208	Vít chốt khóa dùng với đinh nội tủy rồng nòng 4.5x35mm (24)	Cái	654.500,00	Có BHYT
VICV209	Vít cột sống ngực lưng, Vít đa trục S4 Element Polyaxial Screw kèm nắp ốc trong (24.7) ()	Cái	7.293.000,00	Có BHYT
VICV210	Vít chỉ neo cổ định sụn viên (24.7) ()	Cái	12.045.000,00	Có BHYT
VICV212	Vít chỉ neo may chớp xoay (24.7) ()	Cái	11.495.000,00	Có BHYT
VICV213	Vít chỉ khâu chớp xoay FOOTPRINT ULTRA PK 5.5mm	Cái	11.770.000,00	Có BHYT
VIDV35	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Cái	12.870.000,00	Có BHYT
VIKV352	Vít khóa xương cứng titan 3.5 x18mm(dv) ()	Cái	495.000,00	Dịch vụ
VIKV385	Vít khóa đường kính 3.5 x 50mm (DV) ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ

VIKV392	Vít khóa titan đường kính 3.5mm, dài 28mm (24.3) ()	Cái	330.000,00	Có BHYT
VIKV395	Vít khóa titan đường kính 3.5mm x16mm(24.3) ()	Cái	330.000,00	Có BHYT
VIKV396	Vít khóa titan đường kính 3.5mm x18mm(24.3) ()	Cái	330.000,00	Có BHYT
VIKV400	Vít khóa 5.0mm các cỡ, chất liệu Titanium dài 30mm(DV) ()	Cái	352.000,00	Dịch vụ
VIKV402	vít khóa đường kính 3.5x34mm (dv) ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV420	Vít khóa titan đường kính 3.5mm, dài 38mm (23.3) ()	Cái	330.000,00	Có BHYT
VIKV421	Vít khóa Ø 5,0 mm, titan, ren toàn phần, tự taro, dài 40mm	Cái	660.000,00	Có BHYT
VIKV422	Vít khóa xương xộp Ø 5,0 mm, titan, ren toàn phần, tự taro, dài 65mm (24.5) ()	Cái	973.500,00	Có BHYT
VIKV423	Vít khoá rỗng nòng, xương xộp, 7.3mm, các cỡ, titan, dài 70mm (24.5) ()	Cái	1.650.000,00	Có BHYT
VIKV424	Vít khóa titan đường kính 3.5mm, dài 40mm (24.3) ()	Cái	330.000,00	Có BHYT
VIKV425	Vít khóa titan đường kính 3.5mm, dài 42mm (24.3) ()	Cái	330.000,00	Có BHYT
VIKV432	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 18mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV433	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 20mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV434	Vít khóa Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 26mm (24.5) ()	Cái	506.000,00	Có BHYT
VIKV435	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 30mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV436	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 56mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV437	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 65mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV438	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 70mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV439	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 14mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV440	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 22mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV442	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 16mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV443	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 34mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV445	Vít khóa xộp rỗng nòng ren toàn phần 7.3 mm các cỡ, chất liệu Titanium, dài 70mm (24.3) ()	Cái	577.500,00	Có BHYT
VIKV446	Vít khóa xộp rỗng nòng ren toàn phần 7.3 mm các cỡ, chất liệu Titanium, dài 75mm (24.3) ()	Cái	577.500,00	Có BHYT
VIKV447	Vít khóa titan đường kính 2.0mm, dài 14mm (24.2) ()	Cái	418.000,00	Có BHYT
VIKV448	Vít khóa titan đường kính 2.0mm, dài 9mm (24.2) ()	Cái	418.000,00	Có BHYT
VIKV449	Vít khóa titan đường kính 2.0mm, dài 8mm (24.2) ()	Cái	418.000,00	Có BHYT
VIKV450	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 28mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV451	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 32mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV452	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 36mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV453	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 40mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV454	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 45mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT

VIKV455	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 38mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV456	Vít khóa 5.0 mm các cỡ, chất liệu Titanium, dài 32mm (24.7)	Cái	352.000,00	Có BHYT
VIKV457	Vít khóa 5.0 mm các cỡ, chất liệu Titanium, dài 34mm (24.7)	Cái	352.000,00	Có BHYT
VIKV458	Vít khóa Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 28mm (24.5) ()	Cái	506.000,00	Có BHYT
VIKV459	Vít khóa Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 30mm (24.5) ()	Cái	506.000,00	Có BHYT
VIKV460	Vít khóa Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 34mm (24.5) ()	Cái	506.000,00	Có BHYT
VIKV461	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 60mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV462	Vít khóa Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 24mm (24.5) ()	Cái	506.000,00	Có BHYT
VIKV463	Vít khóa Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 32mm (24.5) ()	Cái	506.000,00	Có BHYT
VIKV464	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 36mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV465	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 38mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV466	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 40mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV467	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 46mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV468	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 50mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV469	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 58mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VIKV470	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 30mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV471	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 28mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV472	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 30mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV473	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 34mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV474	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 36mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV475	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 44mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV476	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 40mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV477	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 55mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV478	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 60mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV479	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 38mm ()	Cái	513.700,00	Dịch vụ
VIKV480	Vít khóa Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 26mm (24.6) ()	Cái	434.500,00	Có BHYT
VIKV481	Vít khoá rỗng nòng, xương xộp, 7.3mm, các cỡ, titan, dài 75mm (24.5) ()	Cái	1.650.000,00	Có BHYT
VIKV482	Vít khoá rỗng nòng, xương xộp, 7.3mm, các cỡ, titan, dài 65mm (24.5) ()	Cái	1.650.000,00	Có BHYT
VIKV483	Vít khóa Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 38mm (24.5) ()	Cái	506.000,00	Có BHYT
VIKV484	Vít khóa Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu ren, tự taro, dài 40mm (24.5) ()	Cái	506.000,00	Có BHYT
VIKV485	Vít khóa xương xộp Ø 5,5 mm, titan, đầu ren, tự taro, dài 34mm (24.5) ()	Cái	517.000,00	Có BHYT
VINT86	Vincerol 1mg (23) Acenocoumarol (1mg)	Viên	310,00	Có BHYT
VINT88	Vinphatoxin (24) Oxytocin (10UI/1ml)	Ống	6.300,00	Có BHYT

VINT89	Vingomin (24) Methyl ergometrin maleat (0,2mg/1ml)	Ống	11.500,00	Có BHYT
VINT90	Vinpara 1g (24) Paracetamol (1g/10ml)	Ống	13.500,00	Có BHYT
VINT91	Vinroxamin (24) Deferoxamin (500mg)	Lọ	127.000,00	Có BHYT
VINT92	Vinopa (24) Drotaverin clohydrat (40mg/2ml)	Ống	2.110,00	Có BHYT
VINT93	Vincomid (24) Metoclopramid (10mg/2ml)	Ống	1.000,00	Có BHYT
VINT95	Vinsalmol (24) Salbutamol (0,5mg/1ml)	Ống	2.100,00	Có BHYT
VINT96	Vinphatoxin 5IU/1ml (24) Oxytocin (5IU/1ml)	Ống	2.750,00	Có BHYT
VINT98	Vinzix (24) Furosemid (20mg/2ml)	Ống	610,00	Có BHYT
VINV181	Vít neo cổ định dây chằng tự điều chỉnh loại Ext Liftfix	Cái	10.989.000,00	Có BHYT
VINV183	Vít neo cổ định dây chằng điều chỉnh được độ dài ULTRABUTTON (24.1) ()	Cái	12.925.000,00	Có BHYT
VINV185	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro dài 18mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV187	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 24mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV188	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 20mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV189	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 22mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV190	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 16mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV191	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 30mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV192	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 34mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV193	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 14mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV194	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 26mm (24.5) ()	Cái	401.500,00	Có BHYT
VINV195	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 30mm (24.5) ()	Cái	401.500,00	Có BHYT
VINV196	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 2,0 mm, titan, xương cứng, tự taro, dài 10mm (24.5) ()	Cái	511.500,00	Có BHYT
VINV197	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 2,0 mm, titan, xương cứng, tự taro, dài 12mm (24.5) ()	Cái	511.500,00	Có BHYT
VINV198	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 2,0 mm, titan, xương cứng, tự taro, dài 14mm (24.5) ()	Cái	511.500,00	Có BHYT
VINV199	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 2,0 mm, titan, xương cứng, tự taro, dài 16mm (24.5) ()	Cái	511.500,00	Có BHYT
VINV200	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 2,0 mm, titan, xương cứng, tự taro, dài 16mm (24.6) ()	Cái	511.500,00	Có BHYT
VINV201	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 2,0 mm, titan, xương cứng, tự taro, dài 18mm (24.5) ()	Cái	511.500,00	Có BHYT
VINV202	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 2,0 mm, titan, xương cứng, tự taro, dài 20mm (24.5) ()	Cái	511.500,00	Có BHYT
VINV203	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 32mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VINV205	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 42mm (24.5) ()	Cái	401.500,00	Có BHYT
VINV206	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 38mm (24.5) ()	Cái	401.500,00	Có BHYT
VINV207	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu tròn, tự taro, dài 40mm (24.5) ()	Cái	401.500,00	Có BHYT

VINV208	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 4,5 mm, titan, xương cứng, đầu trơn, tự taro, dài 32mm (24.5) ()	Cái	401.500,00	Có BHYT
VINV209	Vít nén (Vít xương cứng) Ø 3,5 mm, titan, xương cứng, đầu trơn, tự taro, dài 28mm (24.5) ()	Cái	374.000,00	Có BHYT
VIOV2	Vít ổ cối (dv) ()	Cái	550.000,00	Dịch vụ
VIPT	VINPHYTON 1MG/1ML (DV) Phytomenadion (1mg/1ml)	Ống	1.375,00	Dịch vụ
VIPT1	VINPHYTON PHYTOMENADION (10MG/1ML) Phytomenadion (10mg/1ml)	Ống	1.815,00	Dịch vụ
VIST10	Vigisup Susp. Soft Capsule (23) Neomycin+Nystatin+polymyxin B (100.000UI + 35.000UI +	Viên	7.100,00	Có BHYT
VIST5	VISIPAQUE Iodixanol (320 mg / 50 ml)	Lọ	639.694,00	Dịch vụ
VITT12	VITOL (23) Natri hyaluronat (18mg/10ml - Lọ 12ml)	Lọ	39.000,00	Có BHYT
VITT17	VITOL (24) Natri hyaluronat (18mg/10ml - Lọ 12ml)	Lọ	39.000,00	Có BHYT
VITT18	Vị thuốc cổ truyền Thảo quyết minh sao cháy (24) Thảo quyết	g	110,04	Có BHYT
VITV30	Vít treo cổ định dây chằng chéo điều chỉnh chiều dài Fixloop+	Cái	8.800.000,00	Có BHYT
VIXV124	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ, chất liệu Titanium dài 42mm(23.3) ()	Cái	220.000,00	Có BHYT
VIXV127	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ, chất liệu Titanium	Cái	220.000,00	Có BHYT
VIXV132	Vít xóp rỗng lòng (DV) ()	Cái	1.622.500,00	Dịch vụ
VIXV136	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ, chất liệu Titanium, dài 28mm (24.3) ()	Cái	220.000,00	Có BHYT
VIXV137	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ, chất liệu Titanium, dài 30mm (24.3) ()	Cái	220.000,00	Có BHYT
VIXV140	Vít xóp rỗng nòng ren bán phần (DV) ()	Cái	4.345.000,00	Dịch vụ
VIXV142	Vít xương cứng 3.5mm, dài 38mm (DV) ()	Cái	132.000,00	Dịch vụ
VIXV143	Vít xương cứng tự taro 4.5 mm các cỡ, chất liệu Titanium, dài 32mm (24.7) ()	Cái	220.000,00	Có BHYT
VIXV144	Vít xương cứng tự taro 4.5 mm các cỡ, chất liệu Titanium, dài 34mm (24.7) ()	Cái	220.000,00	Có BHYT
VIXV145	Vít xương cứng đường kính khoảng 4.5 các cỡ, dài 32mm ()	Cái	92.400,00	Dịch vụ
VIXV146	Vít xương cứng đường kính khoảng 4.5 các cỡ, dài 30mm ()	Cái	92.400,00	Dịch vụ
VIXV147	Vít xương cứng đường kính khoảng 4.5 các cỡ, dài 30mm ()	Cái	92.400,00	Dịch vụ
VIXV148	Vít xương cứng đường kính khoảng 4.5 các cỡ, dài 36mm ()	Cái	92.400,00	Dịch vụ
VODV11	Vòng đeo tay nhận diện ()	Cái	10.000,00	Dịch vụ
VODV9	Vòng đeo tay bệnh nhân mẹ và bé ()	Cái	4.284,00	Dịch vụ
VOLT16	Voluven 6% Hydroxethylstarch (6%, 500ml)	Túi	121.275,00	Dịch vụ
VORT5	Vorifend 500 (24) Glucosamin (500mg)	Viên	1.400,00	Có BHYT
VORT6	Vorifend (DV) (500mg)	Viên	1.540,00	Dịch vụ
XAMT4	Xanh Methylen 1% Xanh methylen (1%-17ml)	Lọ	7.640,00	Dịch vụ
XIMV16	Xi măng xương cột sống (23) ()	Gói	8.360.000,00	Có BHYT
XIMV17	Xi măng cột sống Spinefix (24) ()	Gói	7.150.000,00	Có BHYT
XIMV18	Xi măng không kháng sinh PALACOS MV ()	Cái	2.200.000,00	Dịch vụ
XIMV19	Xi măng xương độ nhót trung bình (24.7) ()	Gói	8.800.000,00	Có BHYT
XUKT3	Xuyên khung chích rượu (24) Xuyên khung (0)	g	357,00	Có BHYT
XYLT4	Xylometazolin 0,05% (24) Xylometazolin (0,05% x 10ml)	Lọ	2.880,00	Có BHYT
Y DT4	Ý dĩ sao vàng với cám (24) Ý dĩ (0)	g	145,95	Có BHYT
ZART7	Zaromax 500 (24) Azithromycin (500mg)	viên	5.250,00	Có BHYT
ZART8	Zaromax 200 (24) Azithromycin (200 mg)	gói	2.911,00	Có BHYT
ZENT	Zentel Albendazol (200mg)	Viên	5.706,00	Dịch vụ
ZENT17	ZENTANIL Acetylleucin (1g)	Lọ	25.894,00	Dịch vụ
ZENT26	Zentanil (24) Acetyl leucin (1000mg)	Lọ	24.000,00	Có BHYT

ZENT27	Zencombi (24) Ipratropium+Salbutamol (2,5mg + 0,5mg)	Lọ	12.600,00	Có BHYT
ZENT28	Zensalbu nebules 2.5 (24) Salbutamol (2,5mg)	Ống	4.410,00	Có BHYT
ZENT33	Zensonid (24) Budesonid (0,25mg/ml x 2ml)	Lọ	12.600,00	Có BHYT
ZIFV	Ziconia full ()	Cái	720.000,00	Dịch vụ
ZIST5	Zinnat Suspension (24) Cefuroxim (125mg/5ml Cerfuroxime,	Chai	121.617,00	Có BHYT
ZITT9	Zitromax (25) Azithromycin (200mg/5ml)	Lọ	115.988,00	Có BHYT
ZODT2	Zodalan (24) Midazolam (5mg/1ml)	Ống	15.750,00	Có BHYT
ZOLT5	Zoledro-BFS Zoledronic acid (5mg/5ml)	Ống	1.187.100,00	Dịch vụ
ZORT	Zoruxa Zoledronic acid (5mg/100ml)	Chai	5.100.000,00	Dịch vụ